



PAN PACIFIC CORP.

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2013**
CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

MỤC LỤC

05 THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

08 TỔNG QUAN CÔNG TY

- 10 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Triết lý nền tảng
- 12 Lịch sử phát triển
- 14 Ngành nghề kinh doanh chính
- 16 Sơ đồ tổ chức
- 18 Nhân sự chủ chốt

24 BÁO CÁO NĂM 2013

- 26 Bước chuyển mình 2013
- 28 Giải thưởng
- 30 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 32 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
- 40 Báo cáo Trách nhiệm Xã hội

48 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 50 Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 54 Hoạt động của Ban Kiểm soát
- 56 Quản trị rủi ro

62 KẾ HOẠCH 2014

- 64 Đánh giá thị trường
- 66 Kế hoạch hoạt động 2014

70 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

- 72 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
- 73 Báo cáo của Kiểm toán độc lập
- 74 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 77 Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất
- 78 Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 80 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

118 THÔNG TIN KHÁC

- 120 Thông tin chung
- 122 Thông tin cổ đông và quản trị công ty
- 125 Thông tin doanh nghiệp
- 126 Mạng lưới hoạt động

THÔNG ĐIỆN CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Việt Nam sở hữu nguồn tài nguyên dồi dào, đất đai trù phú màu mỡ, những con người tài năng, được ưu ái điều kiện khí hậu thuận lợi, và tập quán canh tác lâu đời. Việt Nam có lợi thế đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản, nhưng trên thị trường thế giới hiện nay không thể tìm thấy một thương hiệu nông sản Việt Nam tiêu biểu khai thác thành công tiềm năng này. Điều đó mở cho PAN cơ hội trở thành doanh nghiệp nông nghiệp và thực phẩm hàng đầu tại thị trường trong nước, và vươn lên trở thành nhà cung cấp lớn trên thế giới về các sản phẩm thực phẩm an toàn, ổn định.



Kính thưa Quý Cổ đông,

Pan Pacific (PAN) đã khép lại một năm thành công của chúng ta với mức tăng trưởng giá trị công ty vượt bậc. Điều này phản ánh sự tin tưởng của Quý vị Cổ đông và các Nhà đầu tư vào hướng đi mới của PAN, hướng đi đã được Hội đồng Quản trị đề xuất, được Quý Cổ đông phê chuẩn, và được triển khai bởi đội ngũ lãnh đạo và nhân viên của chúng ta.

Trong năm 2013, chúng ta đã đặt những viên gạch đầu tiên để thực hiện mục tiêu trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm đóng gói cao cấp có thể đại diện và tiếp nối những giá trị của dân tộc. Việt Nam sở hữu nguồn tài nguyên dồi dào, đất đai trù phú màu mỡ, những con người tài năng, được ưu ái điều kiện khí hậu thuận lợi, và tập quán canh tác lâu đời. Việt Nam có lợi thế đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản, nhưng trên thị trường thế giới hiện nay không thể tìm thấy một thương hiệu nông sản Việt Nam tiêu biểu khai thác thành công tiềm năng này. Điều đó mở cho PAN cơ hội trở thành doanh nghiệp nông nghiệp và thực phẩm hàng đầu tại thị trường trong nước, và vươn lên trở thành nhà cung cấp lớn trên thế giới về các sản phẩm thực phẩm an toàn, ổn định.

Chúng ta có bước đi đầu tiên thực hiện mục tiêu đó bằng việc triển khai kế hoạch mua bán, sáp nhập và hợp nhất những công ty hiệu quả, được quản trị xuất sắc trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm ở Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức vào tháng Tư năm 2013 đã ghi nhận sự tin tưởng tuyệt đối của Quý Cổ đông cho bước chuyển mình của PAN. Trong năm 2013, PAN đã huy động thành công 204 tỷ đồng dưới hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược, khiến vốn điều lệ tăng gần gấp đôi. Cùng với đó, việc mua sở hữu một công ty trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm có nguyên liệu từ thủy sản giúp làm gia tăng giá trị tài sản và vốn chủ sở hữu cho PAN, là bộ phận thực hiện những mục tiêu lớn hơn sau này.

PAN cam kết theo đuổi những giá trị nền tảng dài hạn, để tăng cường sức mạnh của Nhà đầu tư, của Cổ đông, của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và đội ngũ Nhân viên, và cho Cộng đồng, để chúng ta cùng gắn bó và xây dựng PAN thành một biểu tượng của thành công trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm.

Với giá cổ phiếu tăng 79%, từ 21.000 đồng vào tháng 1 năm 2013 lên đến 37.600 đồng vào tháng 12 năm 2013, trong bối cảnh VN-Index tăng 22.2%, đây có thể nói là một năm đầy thành công đối với PAN. Chúng ta tin đó là lời khẳng định rõ ràng nhất cho những ghi nhận và tín nhiệm mà Quý vị Cổ đông dành cho kế hoạch phát triển đầy triển vọng mà PAN đang theo đuổi.

Tôi rất mừng khi được quay lại vị trí Chủ tịch của PAN Pacific. Hội đồng Quản trị của PAN hiện hội tụ những cá nhân xuất sắc và có tầm nhìn dài hạn; Ban lãnh đạo và Đội ngũ nhân viên ngày càng nhân rộng; và chúng ta cùng với các đối tác đang bước những bước đi đúng đắn để xây dựng câu chuyện của mình.

Sau lần huy động vốn đầu tiên, vào tháng 5 năm 2013, PAN đã đầu tư 234 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ sở hữu 54.6%, vào Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (niêm yết trên sàn chứng khoán TP.HCM với mã giao dịch ABT), một nhà sản xuất, chế biến và xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc từ thủy sản cao cấp. Trong một năm vừa qua, ông Đặng Kiệt Tường, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của ABT, và đội ngũ cán bộ công nhân viên đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Trong bối cảnh hết sức khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản ở Việt Nam, ABT đã đạt được mức lợi nhuận sau thuế vượt 45% kế hoạch.

Với sự tham gia đóng góp của ABT từ tháng 6 năm 2013, PAN đã ghi nhận 296 tỷ vào doanh thu hợp nhất, và 60 tỷ vào lợi nhuận hợp nhất trước thuế. Chúng ta kỳ vọng rằng, ABT sẽ đóng góp nhiều hơn cho kết quả kinh doanh của PAN vào năm 2014.

Khối dịch vụ của PAN bao gồm hai công ty – Pan Services Hà Nội và Pan Services TP. Hồ Chí Minh. Kết quả kinh doanh từ Khối dịch vụ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định, với tổng doanh thu từ hai công ty con tăng 14% so với năm trước. Pan Services tiếp tục được công nhận, như 20 năm vừa qua, là công ty dịch vụ tiện ích hàng đầu tại Việt Nam. Chúng ta thực sự biết ơn Ban lãnh đạo của Pan Services, ông Nguyễn Văn Khải, bà Hà Thị Thanh Vân, ông Phan Quốc Sơn và ông Nguyễn Xuân Thủy, và tất cả cán bộ công nhân viên, vì thành tựu này.

Các hoạt động kinh doanh chính của PAN Pacific đều đạt những kết quả rất khả quan, tuy nhiên lợi nhuận hợp nhất giảm nhẹ do quy định kế toán. Năm 2013, chúng ta đã thoái vốn thành công ở hai công ty – Công ty CP Thương mại Pan, và Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGF). Mặc dù giao dịch thoái vốn tại AGF đã đem lại một khoản lãi bằng tiền mặt cho PAN, quy định kế toán yêu cầu ghi nhận một khoản lỗ không bằng tiền tương ứng với 49,8 tỷ đồng.

Với tất cả những nỗ lực của chúng ta, PAN đã được Forbes Asia đánh giá là 1 trong 200 doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất Châu Á. Ngoài ra, PAN cũng là 1 trong 100 công ty đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2013, cùng với rất nhiều giải thưởng danh tiếng khác.

Chúng ta cảm thấy rất lạc quan về triển vọng trong năm 2014. Các công ty thành viên của PAN đều sở hữu những cơ hội lớn. Những mục tiêu tương lai của PAN cũng vậy. Chúng ta tự tin rằng, với kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính và triển khai mua bán sáp nhập, kết hợp với việc liên tục chia sẻ và nâng cao năng lực quản trị, điều hành và marketing, PAN sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội và đóng góp tích cực cho các công ty con. Chúng ta đang dựng nên một nền tảng vững chắc để hiện thực hóa kỳ vọng trở thành công ty nông nghiệp và thực phẩm dẫn đầu tại Việt Nam, theo đuổi sứ mệnh cung cấp cho thị trường nội địa cũng như thị trường quốc tế những sản phẩm nông nghiệp và lương thực thiết yếu có thương hiệu.

2013 là một năm với nhiều thay đổi đột phá với PAN. Tôi muốn bày tỏ sự tri ân chân thành nhất tới các công ty thành viên vì những cống hiến đặc biệt cho sự phát triển của PAN, và đặc biệt là tới Quý vị Cổ đông, vì niềm tin và sự ủng hộ của Quý vị.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2014

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Duy Hưng



TỔNG QUAN CÔNG TY

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - TRIẾT LÝ NỀN TẢNG

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - TRIẾT LÝ NỀN TẢNG

TẦM NHÌN

PAN Pacific mục tiêu trở thành công ty hàng đầu khu vực trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm, cung cấp các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm đóng gói cao cấp cho thị trường trong và ngoài nước.

SỨ MỆNH

Dựa vào kiến thức chuyên sâu về tài chính, chuẩn mực trong vận hành và kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing, PAN tạo lập và gia tăng giá trị thông qua việc tích hợp chuỗi giá trị trong các ngành Nông nghiệp và Thực phẩm. Để thực hiện sứ mệnh này, chúng tôi theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, thực hiện các quy trình quản lý tài chính, quản trị rủi ro một cách nghiêm ngặt và nỗ lực vươn tới các tiêu chuẩn cao nhất của sự cởi mở và minh bạch trong quản trị doanh nghiệp, mang lại lợi ích cao nhất cho Nhà đầu tư, Đối tác, Khách hàng, các Đơn vị thành viên, toàn thể Cán bộ nhân viên của Công ty cũng như cho Công dân và người Nông dân Việt Nam.

TRIẾT LÝ NỀN TẢNG

- ◆ Chúng tôi nhận thức rõ rằng một Công ty Nông nghiệp và Sản xuất Thực phẩm tầm cỡ quốc tế có vai trò lớn trong việc thúc đẩy vấn đề an ninh lương thực tại Việt Nam và khu vực.
- ◆ Chúng tôi hiểu rằng nông nghiệp, bao gồm cả thủy hải sản, đang đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước nhà và là những ngành nghề sản xuất đã đi cùng truyền thống văn hóa và cuộc sống hàng ngày của con người Việt Nam.
- ◆ Chúng tôi không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị các dịch vụ mà PAN cung cấp.
- ◆ Chúng tôi tin rằng muốn cải thiện đời sống của người nông dân nhất thiết phải nâng cao chất lượng nguyên liệu nông sản đầu vào.
- ◆ Chúng tôi đẩy mạnh những tập quán kinh doanh được xem là trọng tâm cho sự phát triển bền vững của Việt Nam.
- ◆ Chúng tôi đặt yêu cầu xây dựng một môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, khuyến khích sự sáng tạo nhằm mang lại sự sung túc cho người lao động và gia đình.
- ◆ Chúng tôi theo đuổi sự phát triển bền vững và tối đa hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan.

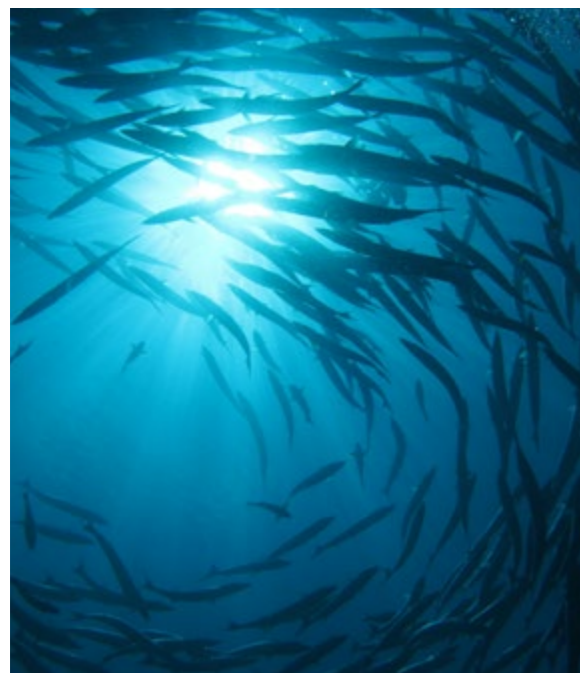
“

**PAN PACIFIC MONG MUỐN TRỞ THÀNH
CÔNG TY HÀNG ĐẦU KHU VỰC TRONG LĨNH
VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM**

”

2013	21/05/2013	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 200,5 tỷ đồng.
	29/05/2013	<ul style="list-style-type: none"> Chính thức nắm giữ 54,6% cổ phiếu đang lưu hành của Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre (Mã ABT-HOSE), đưa ABT trở thành công ty con của PAN.
	12/2013	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện thoái vốn thành công sau khi đăng ký bán toàn bộ phần vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần thương mại PAN và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang.
2012	16/07/2012	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn tất việc mua 2,6 triệu cổ phiếu, tương đương với 20,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (Mã AGF-HOSE), đưa AGF trở thành Công ty liên kết.
2010	05/2010	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 115,5 tỷ đồng.
	26/11/2010	<ul style="list-style-type: none"> Hủy niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội, chuyển sang niêm yết tại Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh.
	15/12/2010	<ul style="list-style-type: none"> Chính thức được niêm yết và giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã giao dịch là PAN.
2009	11/2009	<ul style="list-style-type: none"> Góp 100% vốn điều lệ thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuyên Thái Bình.
2008	03/2008	<ul style="list-style-type: none"> Góp 80% vốn điều lệ thành lập Công ty CP Thương mại PAN.
	10/2008	<ul style="list-style-type: none"> HĐQT quyết định tiến hành mua tiếp 20% cổ phần công ty PAN Pacific Hà Nội, nâng mức sở hữu lên 100% vốn điều lệ.
2007	02/2007	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ từ 32 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng.
2006	30/06/2006	<ul style="list-style-type: none"> Mua lại 80% cổ phần Công ty PAN Pacific - Hà Nội (một công ty được thành lập từ năm 1993 với tên giao dịch ban đầu là Công ty TNHH Thái Bình Dương). Việc sáp nhập giúp tăng vị thế của Công ty trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ tiện ích bằng cách sử dụng một thương hiệu PAN Pacific trên toàn quốc.
	10/2006	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 32 tỷ đồng.
	22/12/2006	<ul style="list-style-type: none"> Chính thức niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã PAN
2005	31/08/2005	<ul style="list-style-type: none"> Chuyển đổi hình thức hoạt động sang công ty cổ phần với vốn điều lệ là 6,2 tỷ đồng.
	10/2005	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng.
1998		<ul style="list-style-type: none"> Thành lập với vốn điều lệ 250 triệu đồng.





THỦY SẢN

Năm 2013, sản lượng tiêu thụ thủy hải sản trên toàn thế giới đạt gần 160 triệu tấn, trong đó sản lượng thủy sản được nuôi trồng chiếm 70 triệu tấn. Các sản phẩm thủy hải sản sạch là nguồn cung cấp chất đạm dồi dào, là sản phẩm trọng yếu của thị trường tiêu thụ trong nước, và là sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

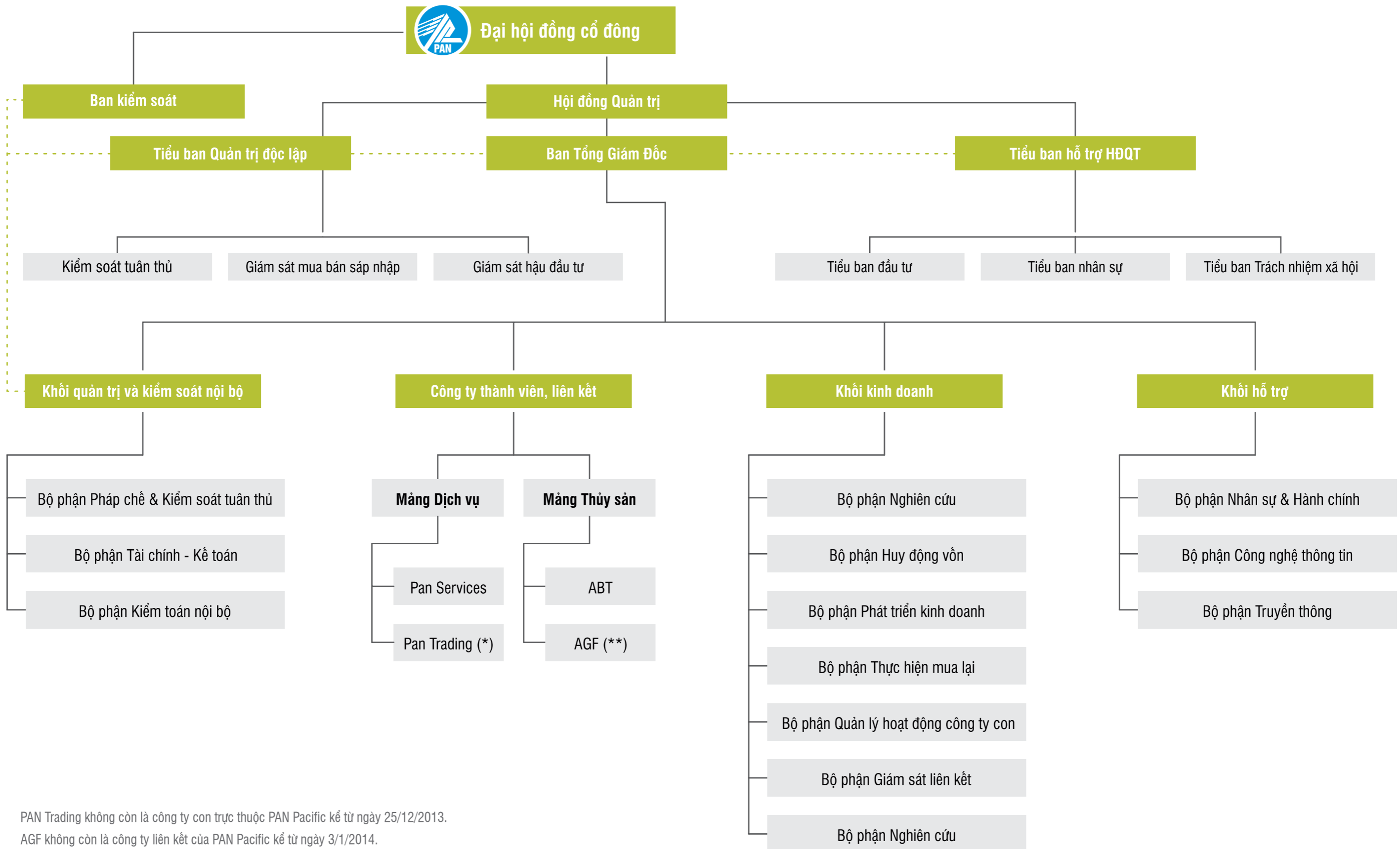
Mảng sản xuất và kinh doanh thủy sản của PAN được phụ trách bởi Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (Công ty con của PAN) – một trong những công ty chế biến xuất khẩu thủy sản tiêu biểu của Việt Nam thành công tại các thị trường nhập khẩu khắt khe trên thế giới.



DỊCH VỤ

Mảng dịch vụ tiện ích của PAN bao gồm hai công ty con: Pan Services Hà Nội và Pan Services TP. Hồ Chí Minh.

Với hơn 20 năm kinh nghiệm và gần 5.000 cán bộ công nhân viên, Pan Services là công ty cung cấp dịch vụ tiện ích và vệ sinh công nghiệp hàng đầu tại Việt Nam. Công ty có trên 800 khách hàng là các doanh nghiệp và tổ chức hoạt động trên khắp cả nước ở rất nhiều lĩnh vực khác nhau, từ công nghiệp, thương mại tới cao ốc, văn phòng, chung cư. Từ khi thành lập, PAN đã được công nhận về chất lượng dịch vụ vượt trội ở tất cả các thị trường.



(*) PAN Trading không còn là công ty con trực thuộc PAN Pacific kể từ ngày 25/12/2013.

(**) AGF không còn là công ty liên kết của PAN Pacific kể từ ngày 3/1/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Duy Hưng

ÔNG NGUYỄN DUY HƯNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Duy Hưng là người sáng lập và là chủ tịch HĐQT đầu tiên của Công ty Cổ phần PAN Pacific (tiền thân là công ty TNHH Thái Bình Dương – INMEXPAN – Pacific). Năm 2013, ông Nguyễn Duy Hưng trở lại vai trò Chủ tịch HĐQT PAN Pacific với mong muốn dẫn dắt công ty trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm đóng gói, bên cạnh lĩnh vực cung cấp các dịch vụ tiện ích hàng đầu hiện nay.

Ông Hưng đồng thời là nhà sáng lập, Chủ tịch và Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (mã SSI - HOSE), công ty chứng khoán tư nhân đầu tiên, và luôn giữ vững vị trí hàng đầu trong ngành chứng khoán và đầu tư tại Việt Nam. Ông cũng là chủ tịch của Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), một trong những công ty quản lý quỹ tốt nhất tại Việt Nam.



Ông Michael Rosen

TIẾN SĨ MICHAEL ROSEN - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Michael Rosen từng giữ chức vụ Tổng giám đốc và Chủ sở hữu của Công ty Oscar Gruss & Son, công ty chứng khoán thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán New York. Ông cũng là nguyên Tổng giám đốc của Công ty Continental Information Systems Corporation (mã CISC - NASDAQ); người lãnh đạo dự án cải tổ đưa công ty trở thành một công ty phát triển phần mềm ứng dụng. Ông là giáo sư tại Khoa Quản lý, trường Đại học New York. Gần đây nhất, ông giữ chức vụ Giám đốc và Giám đốc Tài Chính của Công ty Brighton Energy Corporation, Hồng Kông, và Giám đốc Chiến lược của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

Ông Rosen có bằng tiến sĩ, thạc sĩ quản trị quản lý kinh doanh, thạc sĩ lĩnh vực khoa học xã hội của trường Wharton thuộc đại học Pennsylvania, bằng thạc sĩ ngành nhân chủng học và tốt nghiệp loại ưu chuyên ngành quản trị kinh doanh tại trường xã hội và khoa học thuộc đại học Pennsylvania. Ông Rosen đã được cấp chứng chỉ chứng khoán Series 7, 63, 24, là thành viên Sở chứng khoán New York và có chứng chỉ kinh doanh Bất động sản của Bang New York.



Bà Lê Thị Lệ Hằng

BÀ LÊ THỊ LỆ HẰNG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngoài vai trò thành viên HĐQT Công ty Cổ phần PAN Pacific, bà Hằng là Tổng giám đốc Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) từ tháng 6/2010. Trong vai trò này, bà Hằng đã dẫn dắt SSIAM thành “Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam”, đồng thời nhận giải “Tổng giám đốc của năm” trong cả hai năm 2012, 2013 do Asia Asset Management trao tặng. Từ tháng 07/2007 đến tháng 5/2010, bà Hằng là Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc khối Phân tích và Tư vấn đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn. Từ năm 1999 đến 2007, bà Hằng là Chuyên viên Phân tích tư vấn đầu tư tại W.P.Stewart, một công ty quản lý quỹ quản lý 8 tỷ USD có trụ sở đặt tại New York. Hiện nay, bà Hằng còn nắm giữ các chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (mã NSC - HOSE); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chiêu xạ An Phú (mã APC - HOSE); Thành viên HĐQT Công ty CP Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh (mã GIL - HOSE); Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An (mã LAF - HOSE).

Bà Hằng có bằng Thạc sĩ Tài chính tại Đại học American University, Mỹ.



Bà Nguyễn Thị Trà My

BÀ NGUYỄN THỊ TRÀ MY - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Từ năm 1995 đến năm 2012, Bà My giữ chức Giám đốc tài chính kiêm Phó tổng giám đốc và hiện là Cố vấn cao cấp Công ty Biomin Việt Nam, một công ty 100% vốn nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm phụ gia và premix cho vật nuôi. Bà My là người sáng lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty CSC Việt Nam từ năm 2007 đến nay. Từ năm 1993 đến năm 1995, bà My là trợ lý Tổng giám đốc công ty International Business Advisor.

Bà My đã tốt nghiệp Đại học Công nghệ Swinburne tại Melbourne, Australia và thạc sĩ Quản trị kinh doanh thuộc trường Shidler College of Business - Đại học Hawaii.



Ông Nguyễn Văn Khải

ÔNG NGUYỄN VĂN KHẢI - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Khải gia nhập PAN Pacific Corp. từ năm 1997 khi công ty chỉ có 6 nhân viên. Đến tháng 12/1998, ông Khải được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc điều hành của công ty. Tháng 10/2005 đến tháng 4/2013, ông Khải giữ chức vụ Tổng giám đốc PAN Pacific Corp. Trong thời gian điều hành công ty, ông Khải đã giúp PAN lớn mạnh từ một công ty với 800 nhân viên phát triển lên tới 5000 nhân viên. Trước đó, trong giai đoạn từ tháng 6/1995 - 1996, ông Khải là kỹ sư tại công ty LD V-Trac. Ông từng làm trợ lý Tổng giám đốc Công ty LD VU-TRAC trong khoảng thời gian từ tháng 6/1994 đến tháng 6/1995, một công ty liên doanh giữa Quân đội Việt Nam và công ty Ural Trak, doanh nghiệp chuyên về thiết bị cơ sở hạ tầng hàng đầu của Nga.

Ông Khải có bằng Thạc sĩ ngành Quản trị Công nghiệp tại đại học East Ukrainian National.



Ông Trần Đình Long

GIÁO SƯ, VIỆN SĨ TRẦN ĐÌNH LONG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Giáo sư, Viện sĩ Trần Đình Long hiện là Chủ tịch Hội giống cây trồng Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học Công nghệ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS); Thành viên Ủy ban Khoa học Quốc gia; Thành viên Hội đồng khoa học của Viện Khoa học nông nghiệp miền núi phía Bắc (NOMAFSI), Viện Cây lương thực - cây thực phẩm (FCRI), Viện Nghiên cứu Rau quả (FVRI) và Trung tâm Tài nguyên thực vật (PGRC); Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Giống cây trồng TW (mã NSC - HOSE). Trong quá trình nghiên cứu khoa học của mình, ông đã nghiên cứu và tham gia nghiên cứu sáng chế 22 giống cây trồng mới được công nhận là Giống Quốc gia (đậu tương, lạc, đậu xanh, lúa, khoai lang, đại mạch, vừng và cỏ ngọt Stevia dùng để chiết xuất đường tự nhiên không năng lượng). Ông cũng đã cho ra mắt 17 cuốn sách tham khảo, chuyên khảo và giáo trình Di truyền và Chọn giống cây trồng, công bố 125 bài báo trên các tạp chí Khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước từ năm 1977 đến năm 2013. Với vai trò là người hướng dẫn chính, ông đã đào tạo thành công 35 Tiến sĩ và 12 Thạc sĩ từ năm 1990 - 2013. Ông cũng tham gia giảng dạy cho các chương trình Cử nhân, Thạc sĩ và Nghiên cứu sinh từ năm 1967 đến nay.

Ông là Cử nhân sinh học, ĐH Tổng hợp Quốc gia Kishinev, Liên Bang Nga; Là Tiến sĩ Nông học (Ph.Dr.) ĐH Nông nghiệp Hà Nội; Là Tiến sĩ khoa học (DSc.) Sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học Nông nghiệp LB Nga; Là Giáo sư Nông học, Viện Khoa học Nông nghiệp VN (VAAS); Là Viện sĩ Viện hàn lâm KH Nông nghiệp toàn LB Nga, Moscow. Ngoài ra, ông còn tham gia một số khóa đào tạo ngắn hạn tại Trung tâm Nghiên cứu Ngô và Lúa mì Quốc tế, (CIMMYT), Mexico; Trung tâm Công nghệ sinh học Đậu tương, ĐH Missouri-Columbia, Hoa Kỳ; Viện Nghiên cứu Cây trồng Quốc tế vùng bán khô hạn (ICRISAT), Patancheru, Ấn Độ.



Bà Hà Thị Thanh Vân

BÀ HÀ THỊ THANH VÂN - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Vân là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần PAN Pacific từ tháng 10 năm 2005. Trước đó, bà từng là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PAN Pacific từ tháng 10/2006 đến tháng 10/2012, Giám đốc Công ty TNHH PAN Pacific từ tháng 12/1999 đến tháng 8/2005, Trưởng phòng Marketing và Phát triển kinh doanh công ty TNHH Thương mại và dịch vụ PPC từ tháng 12/1998 đến tháng 12/1999.

Bà Vân tốt nghiệp đại học ngành văn học và ngôn ngữ học tại Đại học Orłowski.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Michael Rosen



Ông Nguyễn Văn Khải



Bà Phạm Thị Thu Hà

TIỀN SĨ MICHAEL ROSEN - TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Michael Rosen là thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty. Là một doanh nhân thành đạt đến từ Mỹ, ông Michael Rosen vừa là lãnh đạo, vừa là người đưa ra tầm nhìn chiến lược của công ty. Ông Michael đã gắn bó với PAN và sẽ cùng PAN thực hiện kế hoạch dài hạn của mình.

ÔNG NGUYỄN VĂN KHẢI - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY TNHH PAN PACIFIC SERVICES

Ông Nguyễn Văn Khải là thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc PAN Pacific Corp. và Tổng giám đốc công ty TNHH PAN Pacific Services, công ty con 100% vốn do PAN Pacific sở hữu.

Ông Khải đã có 15 năm gắn bó cùng PAN và lãnh đạo PAN Services phát triển với 5000 nhân viên hoạt động trên 20 tỉnh thành với 800 khách hàng.

BÀ PHẠM THỊ THU HÀ - GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Bà Phạm Thị Thu Hà đã có nhiều năm kinh nghiệm trong vai trò chuyên viên phân tích tài chính cao cấp tại các định chế tài chính trong nước và quốc tế, từng làm việc tại bộ phận Tài chính Kế hoạch thuộc Công ty IBM Việt Nam, và có kinh nghiệm kiểm toán tại Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Bà Hà tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng của trường kinh doanh Nanyang, thuộc trường Đại học Công nghệ Nanyang, Singapore.

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Duy Hưng



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà



Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh

ÔNG NGUYỄN DUY HƯNG - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT (*)

Ông Nguyễn Duy Hưng hiện là Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI và Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An. Trước đó, từ năm 2005 đến 2007, ông Hưng là Kế toán Tổng hợp tại Công ty Hoa tiêu khu vực II. Từ năm 2003 đến 2005, ông Hưng là Chuyên viên Tư vấn đầu tư, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng.

Ông Hưng đã có bằng Thạc sĩ kinh tế.

BÀ NGUYỄN THỊ THANH HÀ - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Hà hiện là Trưởng Bộ phận pháp chế tại Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn. Trước đó, từ tháng 11/2008 đến tháng 11/2012, bà là Trợ lý Luật sư tại Công ty Luật TNHH Liên Kết Thanh Danh.

Bà Hà là Cử nhân Luật.

BÀ NGUYỄN THÁI HẠNH LINH - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Linh hiện là Chuyên viên Phân tích dự án đầu tư PAN Pacific. Trước đó, từ tháng 10/2012, bà Linh là Chuyên viên Phân tích tại Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM).

Bà Linh là cử nhân kinh tế.

(*) Ông Nguyễn Duy Hưng - Trưởng ban kiểm soát trùng tên với Chủ tịch HĐQT.



BÁO CÁO NĂM 2013

BƯỚC CHUYỂN MÌNH 2013

GIẢI THƯỞNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



2013 là năm ghi nhận sự thay đổi lớn mang tầm chiến lược của PAN. Nhận định rõ ngành nông nghiệp tuy là ngành cốt lõi và chủ lực của nền kinh tế Việt Nam nhưng vẫn tồn tại nhiều doanh nghiệp nhỏ lẻ, hoạt động manh mún và chưa tận dụng hết thế mạnh của ngành, PAN đã chuyển mình thay đổi để hiện thực hóa tham vọng góp phần thay đổi thực tế này bằng việc xây dựng một công ty hàng đầu về nông sản và thực phẩm, với tiềm lực dồi dào về tài chính, dày dặn về kinh nghiệm quản lý, marketing và bán hàng. Trong năm 2013, PAN đã triển khai thành công nhiều kế hoạch về tài chính, kinh doanh cũng như quản trị để từng bước thực hiện mục tiêu chiến lược, đồng thời, đón nhận sự đồng thuận cao của Nhà đầu tư và các Cổ đông.

Tháng 1/2013	- Cổ phiếu của PAN được giao dịch ở mức giá 20.000 đồng/ cổ phiếu.
Tháng 1/2013	- PAN và Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) thành lập Đội Dự án để tìm hiểu cơ hội mở rộng vào ngành nông nghiệp và thực phẩm tại Việt Nam và Đông Nam Á. - Chiến lược huy động vốn bắt đầu với việc phát hành 8.500.000 cổ phiếu với tổng giá trị 204 tỷ đồng.
Tháng 4/ 2013	- 4/2/2013 – PAN huy động thành công 204 tỷ đồng thông qua phát hành . - 9/4/2013 - Thành lập Văn phòng đại diện PAN Holding ở Hà Nội tại Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Hà Nội. - 26/4/2013 – Đại hội cổ đông PAN thông qua một loạt các vấn đề quan trọng: ◆ Ông Nguyễn Duy Hưng quay trở lại làm Chủ tịch HĐQT. ◆ Tiên sĩ Michael Louis Rosen tham gia vào HĐQT và được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc. ◆ Giáo sư, Viện sĩ Trần Đình Long, bà Nguyễn Thị Trà My, bà Lê Thị Lệ Hằng tham gia HĐQT. ◆ Chiến lược mua lại và hợp nhất các công ty trong ngành nông nghiệp và thực phẩm. ◆ Phát hành tối đa 20.312.500 cổ phiếu để huy động 650 tỷ đồng với mức giá không thấp hơn 32.000 đồng/cổ phiếu.
Tháng 5/ 2013	- PAN hoàn thành đợt chào mua công khai và đã sở hữu 54,6% cổ phần của Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre (mã ABT - HOSE).
Tháng 9/ 2013	- PAN bắt đầu đợt huy động vốn lần hai với quy mô 650 tỷ. - 29/9/2013 - ABT bắt đầu dự án bổ sung dinh dưỡng cho cá giống với sự hỗ trợ từ Bộ Nông nghiệp Israel. - PAN được trao giải thưởng "Top 100 thương hiệu Sao Vàng Đất Việt 2013".
Tháng 10/ 2013	- PAN được Forbes Asia trao tặng giải thưởng một trong 200 doanh nghiệp có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á.
Tháng 12/ 2013 và đầu năm 2014	- PAN bán Công ty CP Thương mại Pan (Pan Trading) và Agifish (mã AGF - HOSE) để tập trung vào chiến lược kinh doanh dựa trên những công ty nông nghiệp và thực phẩm tốt nhất, và được PAN chiếm tỷ lệ sở hữu tối đa. - 2013 khép lại với việc cổ phiếu PAN đạt mức giá 37.600 đồng, đạt mức tăng trưởng giá cổ phiếu 79% trong vòng một năm. - Hoạt động huy động vốn của PAN với tổng giá trị 650 tỷ đồng hoàn tất vào Quý 1 năm 2014.



Năm 2013, PAN Pacific đã gặt hái nhiều thành công và giải thưởng, trong đó nổi bật là giải thưởng "Top 100 thương hiệu Sao Vàng Đất Việt 2013" và "Top các công ty có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất châu Á" do Forbes bình chọn.

Top 200 doanh nghiệp có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á (Asia's 200 Best Under a Billion)

Tháng 10/2013, PAN được Forbes Asia vinh danh trong lễ trao giải cho các doanh nghiệp có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á tại Singapore. Cùng với PAN, tại Việt Nam chỉ có 9 doanh nghiệp khác được Forbes Asia trao tặng giải thưởng này trong năm 2013.

Top 100 thương hiệu Sao Vàng Đất Việt

Năm 2013, PAN vinh dự được trao tặng giải thưởng Top 100 thương hiệu Sao Vàng Đất Việt. Đây là giải thưởng cao quý được Thủ tướng chính phủ giao cho TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, TW Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và TW Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam chủ trì phối hợp cùng các bộ, ngành, các địa phương tổ chức hàng năm, để bình chọn và tôn vinh các doanh nghiệp Việt Nam có thương hiệu đi đầu trong hội nhập quốc tế. Qua 10 năm tổ chức (2003-2013), giải thưởng Sao Vàng Đất Việt đã trở thành một giải thưởng uy tín, góp phần quan trọng trong định hướng và nâng cao vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập quốc tế, là biểu tượng tự hào của các thương hiệu, sản phẩm tiêu biểu Việt Nam.

Với giải thưởng cao quý này, PAN đã khẳng định được năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín thương hiệu của mình trên thị trường trong nước và quốc tế.

Nhãn hiệu nổi tiếng 2013

Cũng trong năm 2013, Công ty TNHH PAN Services - công ty thành viên của PAN Pacific đã nhận giải thưởng tại cuộc bình chọn "Nhãn hiệu nổi tiếng - Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam năm 2013", được thực hiện nhằm tôn vinh và ghi nhận thành quả của các Doanh nghiệp trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, cung cấp hàng hóa, dịch vụ chất lượng cao nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời góp sức xây dựng các nhãn hiệu đạt đẳng cấp cạnh tranh quốc tế, tạo thuận lợi và tăng cường lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

"Nhãn hiệu nổi tiếng - Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam năm 2013" do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam với sự bảo trợ và tham gia của Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam, Viện Sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng.

CÁC GIẢI THƯỞNG KHÁC

Cúp Vàng thương hiệu chứng khoán uy tín

Trong hai năm liên tiếp, 2009 và 2010, PAN tự hào là một trong 20 doanh nghiệp tiêu biểu trên sàn chứng khoán được đánh giá là doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh tốt, có định hướng phát triển vững mạnh.

Giải thưởng này được Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC) thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện căn cứ trên các thông tin tài chính và thông tin về hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Cúp Vàng ISO

Cúp vàng ISO là giải thưởng danh dự dành cho các tổ chức doanh nghiệp thành công, có tiềm lực kinh tế vững chắc, đóng góp lớn cho nền kinh tế quốc dân. Trong hai năm liên tiếp, 2008 và 2009, PAN vinh dự được trao tặng "Cúp vàng ISO", được Bộ Khoa học và Công nghệ ghi nhận là doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bằng khen do Ủy ban Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng vì đã có thành tích phát triển thương hiệu trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Một số giải thưởng khác của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre (mã chứng khoán ABT) - công ty thành viên của PAN Pacific:

- Một trong 11 doanh nghiệp Thủy sản cả nước được xếp vào TOP 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam năm 2011.
- Một trong 35 doanh nghiệp ngành thủy sản được xếp vào TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam theo xếp hạng của VNR500.
- Được đánh giá là Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2012-2013 theo quyết định của Bộ Công Thương.



Trong năm 2013, Việt Nam cải thiện ổn định kinh tế vĩ mô so với hai năm trước đó, nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn ở mức khá khiêm tốn 5,42%, chủ yếu do suy giảm niềm tin trong khối tư nhân và những vấn đề chưa được giải quyết trong hệ thống ngân hàng.

Năm 2013 chứng kiến một bước ngoặt mới trong chiến lược, cấu trúc và tổ chức tại PAN Pacific Corporation. Từ một công ty hàng đầu trong ngành dịch vụ tiện ích, chúng tôi đã bước đầu xây dựng tầm nhìn và kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu trở thành công ty hàng đầu về nông nghiệp và thực phẩm thiết yếu tại Việt Nam và Đông Nam Á. Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức vào 26 tháng 4 năm 2013 đã đánh dấu sự thay đổi này, với một định hướng kinh doanh mới, kế hoạch huy động vốn, và sự thay đổi trong cơ cấu thành viên của Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Trong năm 2013, bên cạnh sự tăng trưởng ổn định của mảng dịch vụ tiện ích, PAN Pacific đã hoàn thành đợt chào mua và sở hữu 54,6% của Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (Mã ABT - HOSE), một nhà xuất khẩu cá tra và nghêu chất lượng cao của Việt Nam. Mặc dù điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, hai mảng kinh doanh chính của PAN – dịch vụ tiện ích và thủy sản – đã đạt những kết quả xuất sắc, vượt kỳ vọng của Đại hội đồng Cổ đông. Tuy kết quả hợp nhất năm 2013 có sự giảm sút trong lợi nhuận sau thuế cũng như lợi nhuận thuộc về cổ đông công ty mẹ, đó chỉ là hệ quả của việc trích lập chi phí dự phòng cho khoản lỗ hợp nhất kế toán không bằng tiền phát sinh từ giao dịch thoái vốn tại công ty liên kết.

Trong lĩnh vực tài chính, Công ty đã phát hành thành công 8,5 triệu cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược. Ngày 21/05/2013 Công ty chính thức niêm yết 8,5 triệu cổ phiếu phát hành thêm, nâng vốn điều lệ lên 200,5 tỷ đồng. Thành quả này giúp cho công ty có được nguồn tiền mặt dồi dào phục vụ các công tác đầu tư và quản lý rủi ro thanh khoản.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc

Trong năm 2013, qua hoạt động giám sát, HĐQT đánh giá Ban giám đốc Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, Quy chế của công ty cũng như các Quy định pháp luật về quản trị doanh nghiệp.

Trong HĐQT có 2/7 thành viên là đại diện Ban Tổng Giám đốc Công ty. Vì vậy, việc triển khai và giám sát tuân thủ các Nghị quyết ĐHCĐ cũng như Nghị quyết HĐQT đều rất nhanh chóng và có hệ thống. Điều này giúp cho việc điều hành và quản trị tại PAN trở nên nhất quán và hiệu quả hơn, tạo sự kết nối xuyên suốt giữa HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

PAN đã ban hành Quy chế quản trị, Quy chế tài chính bao gồm Quy trình đầu tư, đã được Hội Đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số 13-05/2013/NQ-HĐQT. Công ty cũng đã xin ý kiến và được ĐHCĐ chấp thuận về việc sửa đổi Điều lệ Công ty, cũng như thay đổi ngành nghề kinh doanh chính của PAN. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng đã ban hành các Quyết định về việc mua bảo hiểm cho nhân viên, thang lương cơ bản theo vị trí công tác cũng như chế độ chi phí công tác và chi phí hoạt động.

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Hội đồng quản trị nhận định rằng trong thời gian tới nền kinh tế còn nhiều khó khăn nên Công ty cần chú trọng công tác quản lý rủi ro; thực hiện tốt công tác đầu tư các dự án mua bán sáp nhập, hoàn thiện và nâng cấp công nghệ; đào tạo nhân sự. Trong dài hạn thì giá trị các khoản đầu tư của Công ty đều có tiềm năng tăng trưởng cao.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm, PAN sẽ tiếp tục đầu tư và mua lại những doanh nghiệp nông nghiệp, thực phẩm hàng đầu thị trường để tạo thành chuỗi liên kết vững mạnh, từ đó xây dựng vị thế hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm.

Công ty lựa chọn chiến lược tập trung vào phân khúc cao cấp của dịch vụ tiện ích, bảo trì bất động sản, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn chất lượng hàng đầu để khẳng định và duy trì vị thế hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ của Công ty hiện nay.



I. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

1. Các nhân tố thuận lợi, khó khăn đối với hoạt động SXKD

Nhân tố bất lợi

Giai đoạn khó khăn 2011 - 2013 của nền kinh tế Việt Nam đã tác động kìm hãm sức mua của thị trường và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Không nằm ngoài ảnh hưởng chung đó, hoạt động kinh doanh của PAN cũng lúc bị ảnh hưởng bởi sự gia tăng của chi phí đầu vào cùng với sự suy giảm của đầu ra.

Nhân tố thuận lợi

Năm 2012 và 2013 là hai năm liên tiếp Việt Nam kiểm soát được lạm phát theo đúng mục tiêu đề ra của Quốc hội và Chính phủ, qua đó giúp ổn định kinh tế vĩ mô. Từ mức 18,13% năm 2011, Việt Nam đã đưa chỉ số CPI xuống còn 6,04% năm 2013, thấp nhất trong 10 năm qua. Đây là một trong những thành tựu nổi bật trong điều hành giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

Năm 2012 và 2013 có thể gọi là giai đoạn thuận lợi của nông nghiệp và thủy sản Việt Nam khi các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vẫn là những mặt hàng nông thủy sản như gạo, thủy sản, hạt điều, cà phê... Ngành cũng đón nhận sự quan tâm sâu sắc của Chính phủ với việc chỉ đạo tập trung thực hiện công tác quy hoạch nhằm tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa quy mô lớn, xây dựng thương hiệu sản phẩm, hình thành chuỗi sản xuất, tiêu thụ trên thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

2. Tình hình sản xuất kinh doanh của PAN trong năm 2013

Nắm bắt được các cơ hội từ nền kinh tế vĩ mô nêu trên, Ban Điều hành PAN vừa duy trì và phát triển các mảng kinh doanh truyền thống của Công ty là cung cấp dịch vụ tiện ích, vừa đồng thời thực hiện định hướng chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua: đầu tư vào nông nghiệp và thực phẩm tiêu dùng. Do đó, các lĩnh vực hoạt động chính của PAN có sự tăng trưởng ổn định trong điều kiện nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn.

Kết quả kinh doanh năm 2013 so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	% HOÀN THÀNH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM
1	Doanh thu hợp nhất	675	618	91%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	65	42	65%
3	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	38	-2	-
4	Cổ tức	10%	10%	100%

Tại thời điểm cuối năm 2013, PAN đã **trích lập chi phí dự phòng** cho khoản lỗ hợp nhất kế toán không bằng tiền từ giao dịch thoái vốn (được thực hiện đầu năm 2014) tại công ty liên kết là Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang - AGF với giá trị 50,3 tỷ đồng (**lợi nhuận trước thuế hợp nhất trước khi lập dự phòng kế toán này là 92,4 tỷ đồng**) dẫn tới lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Công ty giảm mạnh xuống mức 42,1 tỷ đồng, chỉ đạt 65% kế hoạch và phát sinh lỗ sau thuế của cổ đông Công ty mẹ âm 2 tỷ đồng.

Kết quả hoạt động kinh doanh chính

Về các hoạt động sản xuất kinh doanh chính, trong năm 2013, mặc dù tình hình thị trường còn gặp nhiều khó khăn, nhưng nhờ chú trọng công tác quản lý chi phí, tận dụng thế mạnh sẵn có và kiểm soát hoạt động hiệu quả tại các Công ty con trong lĩnh vực dịch vụ tiện ích (PAN Services) và kinh doanh thủy sản (ABT), PAN đã có một năm tăng trưởng tốt về kết quả doanh thu cũng như lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT) so với kết quả năm 2012, trong đó EBIT (**không bao gồm ảnh hưởng của khoản dự phòng lỗ hợp nhất kế toán khi thoái vốn AGF**) đạt 59 tỷ đồng, tăng 147% so với cùng kỳ.

Năm 2013, doanh thu hoạt động kinh doanh của PAN đạt 618 tỷ đồng, tương đương 91% kế hoạch và tăng 118% so với năm 2012. Doanh thu năm 2013 có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2012, chủ yếu do mở rộng hoạt động đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh thủy sản tại Công ty con (Công ty CP Aquatex Bến Tre - ABT) từ tháng 6/2013. Chi tiết tỷ lệ tăng doanh thu trong từng lĩnh vực theo bảng dưới đây:

Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu theo từng lĩnh vực

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2012	TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG (%)
1	Doanh thu dịch vụ tiện ích	306	267	14,7%
2	Doanh thu HĐ kinh doanh thủy sản	294	-	100,0%
3	Doanh thu khác	18	17	5,9%
4	Tổng cộng	618	284	117,6%

Năm 2013 là năm đầu tiên Công ty thực hiện chuyển hướng đầu tư vào lĩnh vực thủy sản, nông nghiệp và thực phẩm tiêu dùng. Theo đó, PAN chủ động thực hiện thoái vốn tại một số Công ty không nằm trong chiến lược phát triển để tập trung nguồn lực cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi. Tháng 12/2013, PAN đã hoàn tất giao dịch chuyển nhượng 80% vốn điều lệ nắm giữ tại Công ty con là Công ty Cổ phần Thương mại PAN (PAN Trading).

Thoái vốn tại AGF

Liên quan tới giao dịch AGF, năm 2012 PAN đã ghi nhận lợi nhuận không bằng tiền 50,3 tỷ đồng từ giao dịch mua cổ phần Công ty liên kết AGF. Đây là khoản lợi nhuận bất thường được ghi nhận theo quy định hợp nhất kế toán (do giá mua thực tế nhỏ hơn giá trị sổ sách của AGF tại thời điểm hợp nhất).

Phần lợi nhuận kế toán không bằng tiền này cùng với phần lãi/lỗ của AGF trong giai đoạn đầu tư đã được ghi nhận lũy kế vào giá vốn khoản đầu tư tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất. Với mức giá vốn kế toán này, khi PAN thoái vốn AGF theo giá thị trường, PAN phát sinh khoản lỗ kế toán tương ứng với tổng giá trị 50,3 tỷ đồng.

Trên báo cáo Công ty mẹ của PAN, khoản đầu tư vào AGF từ giữa năm 2012 với tổng giá trị đầu tư gốc là 110,9 tỷ đồng đã đem lại cho PAN lợi nhuận bằng tiền là 8,2 tỷ đồng (trong đó cổ tức nhận được: 2,6 tỷ đồng, lãi chênh lệch giá bán và giá gốc: 5,6 tỷ đồng).

Nếu không tính đến ảnh hưởng của khoản chi phí dự phòng lỗ từ giao dịch thoái vốn AGF nêu trên thì lợi nhuận hợp nhất trước thuế và lợi nhuận sau thuế thuộc Cổ đông Công ty mẹ lần lượt đạt 92,4 tỷ đồng và 48,3 tỷ đồng, tương đương 142% và 127% kế hoạch năm được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trong đó, cơ cấu đóng góp vào lợi nhuận hợp nhất sau thuế cổ đông Công ty mẹ như sau: Lợi nhuận từ mảng kinh doanh thủy sản 53,7%, lợi nhuận từ mảng kinh doanh dịch vụ tiện ích 41,3%, lợi nhuận khác 5%.

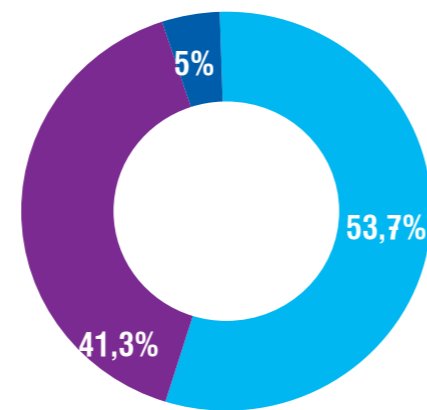
II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013 TRONG HAI LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ DỊCH VỤ

1. Hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản

Hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản được thực hiện tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre (ABT) với 02 loại sản phẩm chính là cá tra và nghêu. Đây là công ty con có kết quả kinh doanh hợp nhất vào PAN từ tháng 6/2013.

Năm 2013, trước tình hình khó khăn do thời tiết khí hậu diễn biến phức tạp, dịch bệnh cá nuôi tăng, giá cá nguyên liệu thấp, cạnh tranh nội bộ gay gắt, chi phí đầu vào tăng cao, nhu cầu nhập khẩu tại các thị trường sụt giảm... Ban lãnh đạo ABT đã có biện pháp điều hành, quản trị linh hoạt và phù hợp trên cơ sở phát huy tối đa những thuận lợi, cải tiến kỹ thuật,

Cơ cấu lợi nhuận Cổ đông Công ty mẹ (chưa tính đến dự phòng giao dịch AGF)



- Kinh doanh thủy sản
- Dịch vụ tiện ích
- Khác

mở rộng hoạt động kinh doanh nội địa, hướng tới phát triển chuỗi giá trị kinh doanh... nên hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản vẫn được duy trì ổn định và đạt kết quả lợi nhuận tốt.

Hoạt động nuôi trồng: Công ty tiếp tục triển khai thành công quy trình nuôi trồng, sản xuất và chế biến thủy sản khép kín theo tiêu chuẩn quốc tế, chủ động 100% nhu cầu cá tra nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu tại Công ty.

Hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản: Trong năm 2013, mặc dù ngành thủy sản còn gặp nhiều khó khăn, nhưng nhờ chú trọng công tác phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, kiểm soát chất lượng đầu vào và thành phẩm, ABT vẫn duy trì sản lượng và doanh thu xuất khẩu tốt tại các thị trường có yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm như EU, Mỹ, Nhật.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, ABT đạt mức lợi nhuận trước thuế 86 tỷ đồng, vượt 43% so với kế hoạch năm, chi tiết như sau:

Kết quả kinh doanh năm 2013 của ABT

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN NĂM 2013	% HOÀN THÀNH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	650	535	82,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60	86	143,3%
3	Cổ tức	%	40%-60%	60%	

Trong những năm tới, ban lãnh đạo ABT tiếp tục duy trì chiến lược xây dựng chuỗi giá trị khép kín, đảm bảo nguyên liệu đầu vào cũng như chất lượng sản phẩm, cắt giảm chi phí. Đây sẽ là lợi thế cạnh tranh nổi bật của ABT trong tương lai, thời điểm thị trường chế biến xuất khẩu thủy sản đi vào hồi phục và phát triển.

Hoạt động dịch vụ vệ sinh công nghiệp

Đây là hoạt động truyền thống của PAN được thực hiện bởi 02 Công ty con của Pan là Công ty TNHH MTV Xuyên Thái Bình (PAN HCM) và Công ty TNHH MTV Liên Thái Bình (PAN Hà Nội). Với gần 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành, PAN đã xây dựng được thương hiệu và uy tín về chất lượng với số lượng gần 800 khách hàng trên toàn quốc, hoạt động trong các ngành công nghiệp khác nhau đang sử dụng dịch vụ của Công ty, thời gian các khách hàng lớn gắn bó với Công ty từ 7 đến 12 năm, đem lại doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền tăng trưởng ổn định.

Năm 2013, mặc dù tình hình thị trường gặp nhiều khó khăn do chi phí đầu vào tăng cao, nhu cầu giảm sút và cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp, tuy nhiên hoạt động cung cấp dịch vụ tiện ích của PAN vẫn có năm thành công với kết quả kinh doanh vượt mức kế hoạch đề ra và bộ máy nhân sự quản lý hoạt động hiệu quả và ổn định. Việc thay đổi các qui trình hệ thống quản lý và áp dụng các công cụ công nghệ cùng với việc đẩy mạnh công tác đào tạo nhân viên đã tạo bước tiến mạnh trong việc kiểm soát hoạt động của Công ty.

Thị phần hoạt động

PAN hiện đang là đơn vị cung cấp dịch vụ hàng đầu trên phạm vi toàn quốc với đội ngũ gần 5.000 nhân viên hoạt động. Dịch vụ vệ sinh dưới thương hiệu PAN Services chiếm ưu thế thị phần trong phân khúc chất lượng cao, với các đối tượng khách hàng hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau (cao ốc

thương mại, bệnh viện, trường học, nhà máy sản xuất, trung tâm mua sắm siêu thị...).

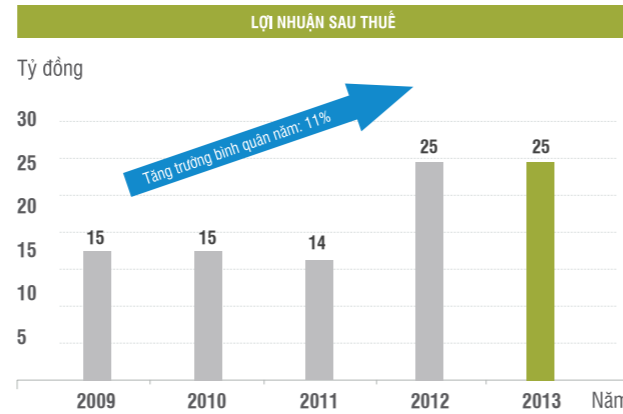
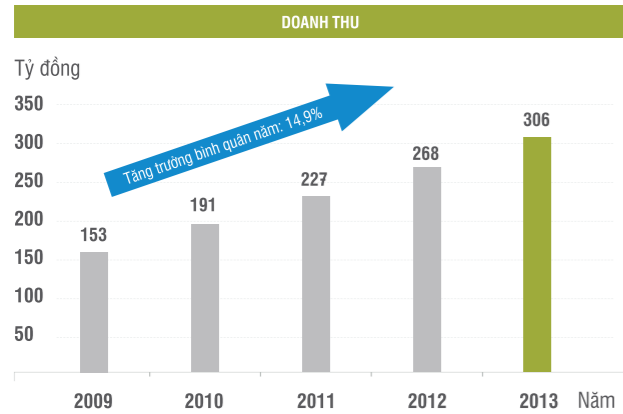
Một số kết quả quản trị nổi bật của dịch vụ vệ sinh công nghiệp trong năm 2013:

- ◆ Quản trị, vận hành tốt công việc tại các công trình, đẩy mạnh công tác đào tạo nhân viên.
- ◆ Kiểm soát tốt chất lượng dịch vụ theo quy trình ISO, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- ◆ Đẩy mạnh công nghệ hóa các quy trình quản lý.
- ◆ Kiểm soát tốt chi phí phát sinh, cải tiến quy trình làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, từ đó duy trì tỷ suất lợi nhuận kinh doanh.
- ◆ Tăng cường hoạt động bán hàng trong tình hình khó khăn, hoàn thành kế hoạch doanh thu đặt ra. Trong đó, tiếp tục duy trì mạng lưới các khách hàng lớn hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau.
- ◆ Kiểm soát tốt công nợ, đảm bảo an toàn tài chính.

Kết quả kinh doanh năm 2013

Tính đến hết năm 2013, doanh thu hoạt động vệ sinh công nghiệp đạt 306 tỷ đồng, tăng trưởng 14,9% so với cùng kỳ 2012, lợi nhuận sau thuế đạt 25 tỷ đồng. Đây là kết quả đáng ghi nhận của PAN trong điều kiện thị trường dịch vụ vệ sinh ngày càng cạnh tranh gay gắt và nhu cầu sụt giảm do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế.

Tình hình tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận hoạt động dịch vụ vệ sinh công nghiệp các năm:



III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

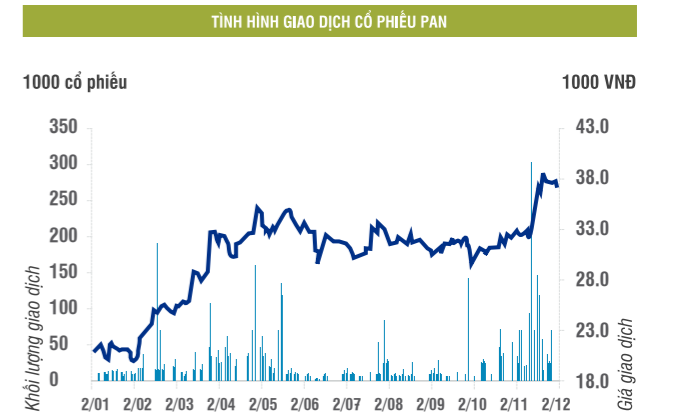
CHỈ TIÊU	NĂM 2013		NĂM 2012		TỶ LỆ BIẾN ĐỘNG
	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG %	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG %	
Tài sản ngắn hạn	921	86,2%	194	52,4%	375,3%
Tài sản dài hạn	148	13,8%	176	47,6%	-15,7%
Tổng tài sản	1.069	100,0%	369	100,0%	189,4%
Nợ phải trả	363	33,9%	41	11,1%	781,9%
+ Nợ ngắn hạn	360	33,7%	41	11,1%	781,3%
+ Nợ dài hạn	2	0,2%	0	0,1%	882,8%
Vốn chủ sở hữu	518	48,5%	326	88,4%	58,7%
Lợi ích cổ đông thiểu số	188	17,6%	2	0,5%	10.168,4%
Tổng nguồn vốn	1.069	100,0%	369	100,0%	189,4%

Trong năm 2013, với định hướng chiến lược phát triển trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư vào ngành Thủy sản, Nông nghiệp và Thực phẩm tiêu dùng, PAN đã bắt đầu thực hiện thương vụ mua lại các công ty trong lĩnh vực mục tiêu. Tại thời điểm 31/12/2013, giá trị tổng tài sản hợp nhất toàn Công ty đạt 1.069 tỷ đồng, tăng 189,4% so với số cuối năm 2012, chủ yếu do trong năm PAN đã hợp nhất bổ sung giá trị tài sản của Công ty CP Aquatex Bến Tre trên Báo cáo tài chính năm 2013. Aquatex Bến Tre đã trở thành công ty con của PAN từ cuối tháng 5/2013.

Với việc hợp nhất các công ty con trong đó có 2 đơn vị trong lĩnh vực tiện ích và 1 đơn vị chuyên chế biến thủy sản xuất khẩu, giá trị tiền và tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu thương mại và hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2013 chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty so với thời điểm cùng kỳ năm 2012, tương đương 78,5% tổng tài sản. Ngoài ra, việc hợp nhất bổ sung ABT trong năm 2013 cũng làm tăng tỷ trọng khoản mục Lợi ích cổ đông thiểu số từ 0,5% lên 17,6% tổng tài sản.

2. Tình hình nguồn vốn

Thực hiện theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, PAN đã thực hiện thành công đợt tăng vốn điều lệ trong tháng 4/2013 từ 115,5 tỷ đồng lên 200,5 tỷ đồng và đã sử dụng nguồn vốn này cho chiến lược mua bán, sáp nhập Công ty theo đúng mục tiêu được phê duyệt. Năm 2013, do phát hành bổ sung vốn điều lệ và phản ứng tích cực về giá của thị trường, tại thời điểm cuối năm, mức vốn hóa thị trường của PAN đạt 754 tỷ đồng, tăng 226% so với mức vốn hóa tại thời điểm đầu năm: 231 tỷ đồng.



3. Tình hình công nợ và khả năng thanh toán

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2013	NĂM 2012
Cơ cấu nợ			
Nợ ngắn hạn/Tổng tài sản	%	33,7%	11,1%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	70,0%	12,6%
Vay ngắn hạn và dài hạn/Tổng tài sản	%	22,3%	0,0%
Vay ngắn hạn và dài hạn/Vốn chủ sở hữu	%	46,5%	0,0%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,6	4,7
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,2	4,4
Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,5	1,2
Tiền và tương đương tiền	Tỷ đồng	171	50

Trong năm 2013, hệ số nợ ngắn hạn/tổng tài sản và tổng nợ/vốn chủ sở hữu tăng so với cùng kỳ năm 2012 với tỷ lệ lần lượt là 33,7% và 70,0%, chủ yếu do hợp nhất bổ sung tài sản và công nợ của Công ty con (ABT) theo chiến lược phát triển của PAN. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ này vẫn đảm bảo cơ cấu tài chính lành mạnh, khả năng rủi ro thanh khoản thấp và duy trì tốt việc quản lý vốn lưu động.

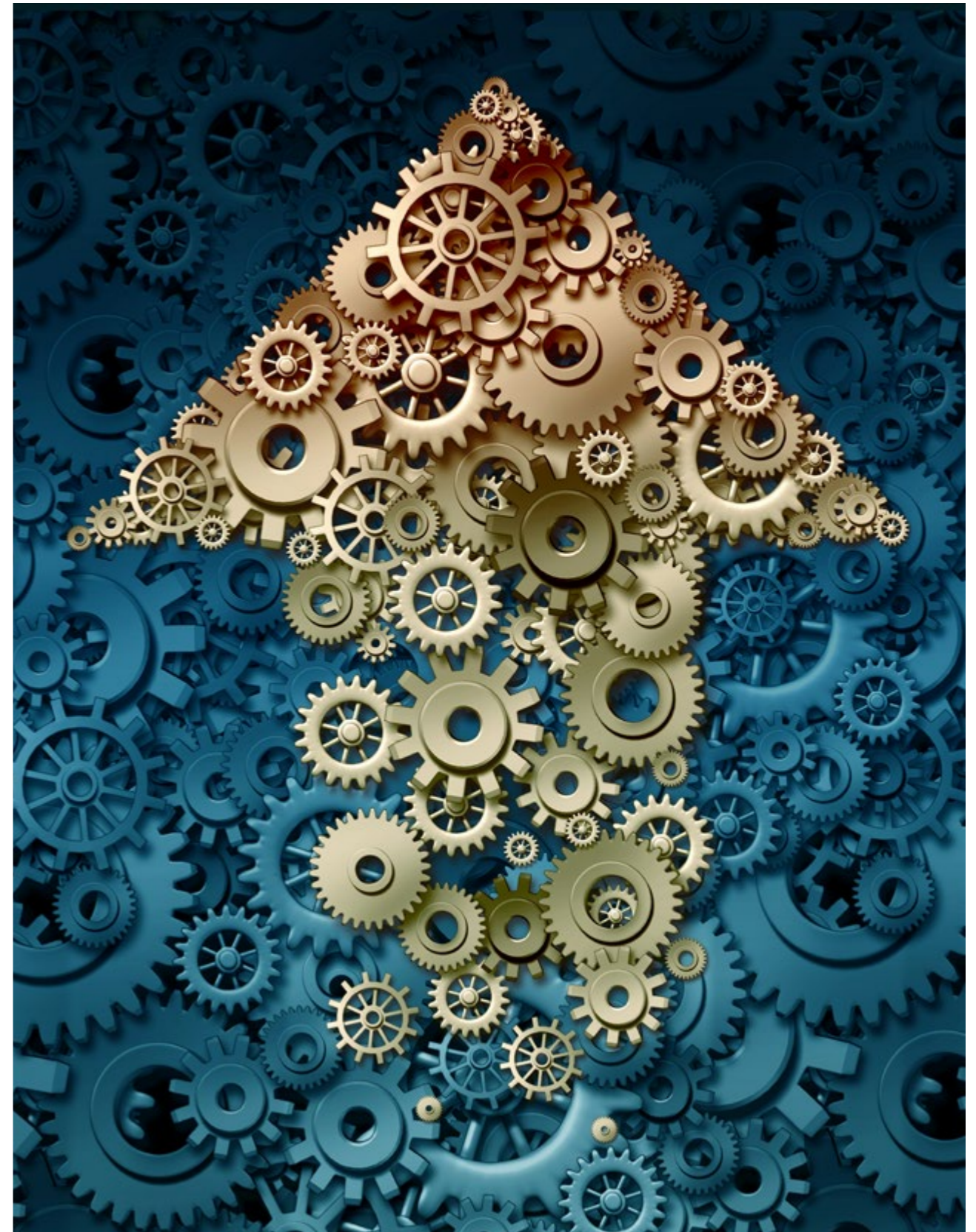
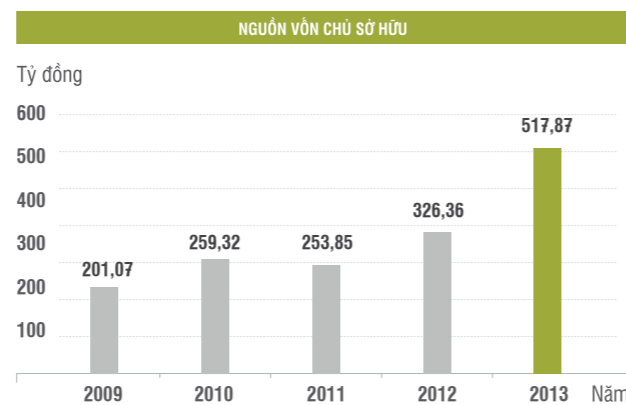
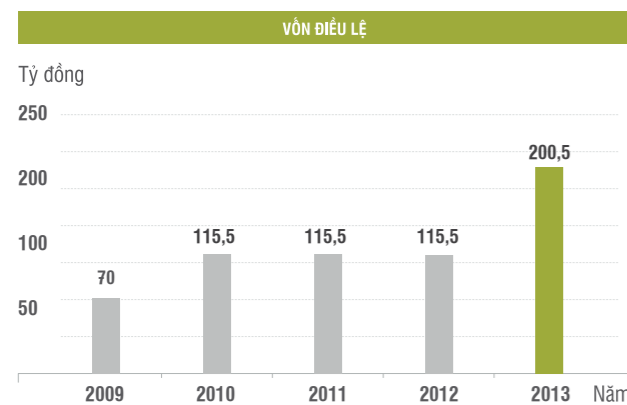
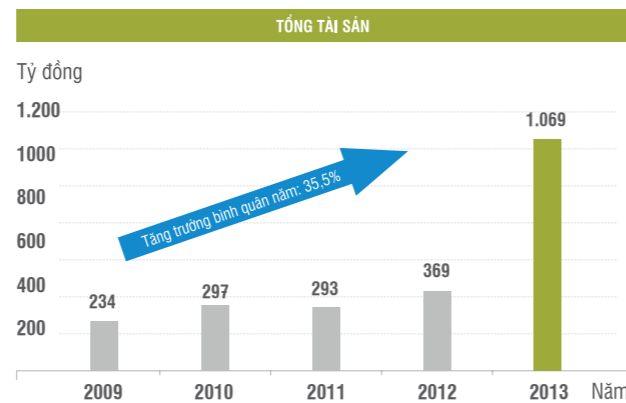
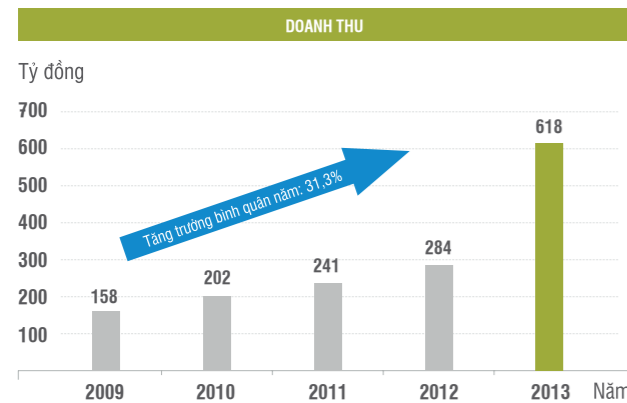
Về khả năng thanh toán, tài sản ngắn hạn tăng làm cho các hệ số thanh toán năm 2013 giảm so với năm 2012, tuy nhiên các hệ số khả năng thanh toán cũng như số dư tiền và tương đương tiền lớn tại 31/12/2013 như trình bày bên trên vẫn thể hiện khả năng thanh toán tốt của Công ty nhờ lượng tiền mặt dồi dào từ các hoạt động kinh doanh chính: dịch vụ tiện ích, thủy sản,.... Các hoạt động này luôn tạo ra dòng tiền ổn định đáp ứng yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

4. Khả năng sinh lời

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2013	NĂM 2012
Khả năng sinh lợi			
Tỷ lệ lãi gộp	%	21,5%	20,3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chính/ Doanh thu thuần	%	13,6%	12,2%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chính/Vốn chủ sở hữu	%	16,2%	10,6%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chính/Tổng tài sản	%	7,9%	9,3%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất/ Doanh thu thuần	%	6,8%	31,2%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/ Doanh thu thuần	%	3,5%	28,7%

So với năm 2012, tỷ suất lợi nhuận gộp và lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều tăng trưởng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của các giao dịch liên quan đến Công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận thuộc Cổ đông Công ty mẹ năm nay có sự sụt giảm như nội dung đã trình bày ở phần trên.

Với các hoạt động sản xuất kinh doanh chính là dịch vụ tiện ích và kinh doanh thủy sản, PAN vẫn đạt kết quả khả quan với hiệu quả sinh lời trên vốn và tài sản được duy trì tốt, chỉ tiêu lợi nhuận thuần hợp nhất từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính năm 2013 (chưa tính đến ảnh hưởng của giao dịch bán Công ty liên kết nói trên, hoạt động khác và thuế thu nhập doanh nghiệp) trên Báo cáo tài chính hợp nhất đạt 83,9 tỷ đồng, tăng 144% so với kết quả đạt được năm 2012.



“TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI TẠI PAN PACIFIC XUẤT PHÁT TỪ TRIẾT LÝ KINH DOANH, THỂ HIỆN TRONG SỨ MỆNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐƯỢC TRUYỀN TẢI QUA TẤT CẢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY”



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PAN Pacific tin tưởng rằng một hệ thống quản trị doanh nghiệp hiệu quả là yếu tố quan trọng để đạt hiệu quả kinh doanh và ổn định doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh đầy biến động. Hệ thống này còn cho phép PAN thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình đối với Cổ đông, Nhân viên, Người Nông dân và Công dân Việt Nam. Các quyết định và thực thi kế hoạch đầu tư của chúng tôi đều theo sát những quy định của hệ thống quản trị doanh nghiệp này. Hệ thống quản trị của PAN bao gồm bộ máy kiểm toán và kiểm soát tuân thủ nội bộ.

Bên cạnh việc giám sát từ Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chúng tôi có các bộ phận sau đây để đảm bảo thực thi các chuẩn mực quản trị:

Tiểu ban Kiểm soát và Tuân thủ

Ban này bao gồm các Giám đốc cấp cao từ bộ phận Tài chính, Kế toán, Kiểm toán nội bộ và được quản lý bởi một Giám đốc Ban. Ban chịu trách nhiệm phát triển và giám sát nền tảng kiểm soát và tuân thủ của công ty, bao gồm kiểm tra và giám sát.

Tiểu ban Giám sát thực thi giao dịch mua lại

Ban này bao gồm các thành viên chủ chốt có nhiệm vụ giám sát việc hoàn thành tài liệu giao dịch, việc trình nộp và tiếp nhận các hồ sơ đã được phê duyệt cần thiết cho một giao dịch.

Tiểu ban Giám sát hoạt động Công ty con

Ban này bao gồm các thành viên Ban điều hành của công ty con và đội ngũ cán bộ tài chính. Ban có trách nhiệm phát triển và theo dõi Chỉ số hoạt động cơ bản nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty con.

2. CAM KẾT CỦA PAN PACIFIC CORP. VỚI VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG CAM KẾT
Cổ đông	<p>PAN cam kết hướng đến sự hài hòa lợi ích giữa hiệu quả kinh doanh với sự phát triển bền vững, dựa trên tuân thủ những giá trị đạo đức kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích cho các cổ đông và tất cả các bên liên quan.</p> <p>Chúng tôi cam kết tăng cường sự minh bạch, công bố kế hoạch và báo cáo tình hình hoạt động, các báo cáo tài chính của Công ty đến các Cổ đông, các Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau, đồng thời chủ động tạo cơ hội đối thoại với nhà đầu tư.</p>
Khách hàng, người tiêu dùng	<p>Quyền lợi của Khách hàng là một trong những mối quan tâm hàng đầu trong mọi hoạt động kinh doanh của PAN. Chúng tôi cam kết bảo vệ quyền lợi Khách hàng bằng cách mang đến những sản phẩm và dịch vụ đạt chất lượng hàng đầu, đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế. Chúng tôi nỗ lực đi đầu trong việc bảo vệ an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, bảo vệ môi trường sinh thái, vì chúng tôi thấu hiểu rằng một doanh nghiệp chỉ phát triển bền vững khi họ hoạt động trong một môi trường xã hội lành mạnh và trong sạch.</p>
Nhân viên	<p>Chúng tôi chủ trương tạo một môi trường làm việc công bằng và chuyên nghiệp, đảm bảo chế độ đãi ngộ cạnh tranh thỏa đáng, và tạo nhiều cơ hội phát triển cho người lao động và gia đình họ.</p>
Môi trường	<p>Nông nghiệp và Thực phẩm là hai trong những yếu tố quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Bên cạnh đặc điểm tạo nhiều việc làm cho người lao động hơn bất kỳ một ngành kinh tế nào khác, ngành nông nghiệp còn đóng góp một phần không nhỏ vào tổng GDP của Việt Nam, và là yếu tố quan trọng giúp duy trì mức độ tăng trưởng GDP bền vững. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, bên cạnh những lợi ích kinh tế thu được từ ngành, chúng tôi dành nhiều sự quan tâm đến việc bảo vệ nguồn nước, đất đai và môi trường sinh thái. Với mỗi hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ, chúng tôi đều được cấp giấy chứng nhận chất lượng, đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ môi trường.</p>
Cộng đồng	<p>PAN mong muốn chung tay góp sức vì sự phát triển của cộng đồng. Chúng tôi hiểu rằng sự vững mạnh của cộng đồng xã hội nơi chúng tôi làm việc sẽ đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển bền vững của PAN. Và trong thời gian qua, chúng tôi thực sự tự hào khi toàn thể cán bộ PAN luôn tự nguyện tham gia công tác xã hội, đem lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng xã hội Việt Nam.</p>
Công ty liên kết và các đối tác kinh doanh	<p>Công ty cam kết đảm bảo cân bằng lợi ích của Công ty và các công ty con, công ty liên kết, và các đối tác kinh doanh, nhằm mục tiêu duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ hợp tác lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm chất lượng tốt nhất cho xã hội.</p>
Cơ quan Nhà nước	<p>Trong tất cả các hoạt động của mình, Công ty cam kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Luôn tuân thủ các quy định của pháp luật. ◆ Thực hiện theo các chủ trương, chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ. ◆ Đảm bảo các số liệu báo cáo, thống kê cung cấp cho các cơ quan chức năng là chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI CHO TỪNG ĐỐI TƯỢNG THEO CAM KẾT

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

Trong mọi hoạt động của Công ty, chúng tôi luôn hướng đến sự hài hòa lợi ích giữa hiệu quả kinh doanh, mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông với sự phát triển bền vững dựa trên những giá trị đạo đức kinh doanh, đảm bảo lợi ích cho tất cả các bên liên quan.

Trong nhiều năm qua, PAN luôn là công ty hoạt động hiệu quả, phát triển ổn định, chi trả cổ tức đều và đúng hạn. Công ty cũng thực hiện và cập nhật công bố thông tin, báo cáo tài chính đầy đủ, công khai, đúng hạn cho nhà đầu tư và các cổ đông, đáp ứng theo các tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

Các báo cáo tài chính năm của công ty đều được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán hàng đầu Việt Nam như Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C), và hiện nay là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY), nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông.

Chúng tôi cũng đánh giá cao và biết ơn sâu sắc sự quan tâm, ý kiến đóng góp của các cổ đông qua email, thư tín, những trao đổi ý kiến đóng góp chân tình, thẳng thắn tại các kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

Cuối cùng, chúng tôi hết sức mong muốn các Cổ đông, với vai trò là những người chủ của Công ty, sẽ ủng hộ quan điểm kinh doanh, các trách nhiệm mà chúng ta đã cam kết với xã hội.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Giữ gìn và nâng cao sự hài lòng của khách hàng, phát triển hệ thống khách hàng ổn định vốn được xem là mục tiêu hàng đầu của PAN Pacific. Khách hàng hiện hữu được đánh giá là tài sản vô hình quý giá nhất mà Công ty xây dựng được trong suốt quãng thời gian từ lúc thành lập cho đến nay.

Tim kiếm khách hàng mới rất quan trọng nhưng giữ được khách hàng gắn bó lâu dài mới là nền tảng của sự phát triển an toàn bền vững và ổn định cho tương lai của Công ty và các công ty thành viên. Để thực hiện điều này, Công ty đã và đang thực hiện những giải pháp đồng bộ nhằm đem lại những kết quả tốt nhất như: Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao trình độ và kỹ năng của cán bộ nhân viên, cải tiến quy trình tác nghiệp ban hành, nâng cao công tác chăm sóc khách hàng, tạo đường dây liên kết để lắng

nghe ý kiến góp ý của khách hàng.

Hàng năm Công ty thường xuyên tổ chức các chương giao lưu văn nghệ, các giải thi đấu bóng đá, cầu lông cùng khách hàng, tạo ra môi quan hệ cởi mở gần gũi và thân thiện với các khách hàng của Công ty. Sự kiện gần đây nhất, sau gần 2 tháng tranh tài quyết liệt, mùa giải Pan Services Open Cup năm 2013 đã chính thức khép lại vào sáng ngày 3/11/2013. Đây là giải thưởng được tổ chức giữa PAN Services và các khách hàng lâu năm của Công ty.

Với những chính sách này, PAN Pacific hy vọng rằng Khách hàng, Người tiêu dùng có thể thấu hiểu nguyên tắc, đạo đức kinh doanh và các cam kết về sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Qua đó, sự gắn kết giữa Công ty với Khách hàng, Người tiêu dùng không chỉ dừng lại ở khía cạnh kinh doanh, mà còn là những đối tác, những người bạn trong việc góp phần tạo nên một xã hội tốt đẹp.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN

Chăm lo sức khỏe cho cán bộ công nhân viên

Chúng tôi luôn quan tâm bảo vệ sức khỏe cho người lao động thông qua việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe (Health Care) cho cán bộ nhân viên, đồng thời hỗ trợ thêm cán bộ qua gói bảo hiểm ưu đãi dành cho người thân.

Chúng tôi cũng khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia vào các phong trào thể dục thể thao thông qua các lớp học, các câu lạc bộ hay hội thao của Công ty nhằm rèn luyện sức khỏe cũng như tăng cường tinh đoàn kết, gắn bó giữa các nhân viên trong hệ thống. Các phong trào đá bóng, bóng bàn, cầu lông, cũng được tổ chức thường xuyên tại Công ty.

Hàng năm, PAN Pacific tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa cho toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty như các hoạt động nghỉ dưỡng vào các dịp hè, các chương trình vui chơi vào các dịp đặc biệt như 8/3 và 20/10 nhằm tạo không khí sôi nổi và tăng cường tinh đoàn kết trong công ty. Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức các hoạt động chăm lo tới đời sống của gia đình cán bộ nhân viên như tổ chức các chương trình giao lưu và khen thưởng cho con em cán bộ nhân viên có thành tích học tập xuất sắc hàng năm. Một số hoạt động được tổ chức thường niên:

- ◆ Tổ chức các sân chơi lành mạnh cho người lao động như Cup bóng đá PAN, PAN GAMES, các cuộc thi cắm hoa, nấu ăn, ... nơi các bạn trẻ có thể thể hiện năng khiếu thể thao cũng như hiểu biết về xã hội, về khả năng nắm bắt, tay nghề trong công việc.
- ◆ Tổ chức bình chọn và trao giải thưởng nhân viên thanh lịch trong các cuộc thi Miss PAN hàng năm.
- ◆ Cùng đối tác lâu năm là Công ty du lịch Tân Thanh tổ chức các chuyến du lịch dã ngoại, các chương trình giao lưu tăng tính đoàn kết cho người lao động.
- ◆ Trao học bổng PAN Pacific cho con em các cán bộ công nhân viên có thành tích học tập tốt.
- ◆ Thành lập quỹ “Tương thân tương ái” hỗ trợ những nhân viên mắc bệnh hiểm nghèo hoặc nhân viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Phát Triển Nguồn Nhân Lực

PAN Pacific xác định nguồn nhân lực là tài sản lớn nhất của bất kỳ một doanh nghiệp nào và việc đào tạo nhân viên là hướng đi quan trọng của công ty để nâng cao năng lực của cá nhân người lao động và đóng góp vào sự phát triển chung của công ty. Do đó, công ty định kỳ tổ chức các buổi tập huấn theo các lĩnh vực chuyên môn về tài chính, điều hành và tiếp thị... do các chuyên gia giảng dạy nhằm không ngừng nâng cao kiến thức cho các cán bộ quản lý.

Chi phí hàng năm cho công tác đào tạo đạt trên 765.000.000 đồng (trong đó chi phí cho đào tạo trong ngành thủy sản là 370.000.000 đồng, dịch vụ tiện ích là 395.000.000 đồng)

Ghi nhận nỗ lực, đóng góp của cán bộ nhân viên

Các chính sách khuyến khích, khen thưởng và ghi nhận thành tích đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực và tinh thần phấn khởi, lạc quan cho cán bộ và nhân viên trong hệ thống. Ngoài ra, Công ty còn áp dụng nhiều hình thức thi đua khen thưởng các cấp tại Công ty và các đơn vị thành viên để khuyến khích người lao động nỗ lực không ngừng.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

Với quan niệm công ty cũng là một thành viên trong cộng đồng, PAN cho rằng những đóng góp của Công ty cho sự phát triển chung của cộng đồng là trách nhiệm nhất thiết phải thực hiện.

Hoạt động cộng đồng

- ◆ Phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng các điều kiện cơ sở vật chất cơ bản, giúp người dân tại các tỉnh khó khăn nhất trên cả nước.
- ◆ Phối hợp với các trường học, bệnh viện, và các trung tâm nhân đạo để giúp đỡ, tạo cơ hội cho các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Tạo việc làm và sử dụng lao động địa phương

Trong quá trình đầu tư mở rộng quy mô, Công ty đã góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động ở các địa phương qua các chính sách:

- ◆ Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương tại Pan Services và ABT.
- ◆ Phối hợp với các ban ngành địa phương tổ chức các chương trình khuyến nông, khuyến ngư, đào tạo, huấn luyện nông dân áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong hoạt động trồng trọt, chăn nuôi nhằm giúp người nông dân nâng cao năng suất, hiệu quả trong canh tác và nuôi trồng.
- ◆ Cung cấp thông tin thị trường tiêu thụ, góp ý tư vấn kỹ thuật và phòng trị bệnh cá, bảo quản sau thu hoạch, tuyên truyền mô hình nuôi trồng của ABT cho cộng đồng địa phương.
- ◆ Việc đảm bảo nguồn tiêu thụ đầu ra ổn định cho người nông dân là một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất để người nông dân yên tâm phát triển sản xuất, nuôi trồng thủy hải sản. Do đó, ABT luôn duy trì chính sách thu mua đảm bảo quyền lợi của người nông dân với những cam kết về số lượng thu mua ổn định và mức giá thu mua cạnh tranh.



Các hoạt động từ thiện

Trong năm qua, các tỉnh miền Trung phải gánh chịu những hậu quả nặng nề từ cơn bão Nari. Với mong muốn chung tay góp sức giúp đồng bào miền Trung sớm ổn định cuộc sống, khắc phục khó khăn, trở ngại do mưa bão, ngập lụt gây ra, PAN đã sát cánh cùng Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn và một số công ty khác như Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương, Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông, Công ty NDH Việt Nam xây dựng và tổ chức chương trình thiện nguyện mang tên “Cùng đồng hành khắc phục hậu quả cơn bão Nari tại miền Trung”. Chương trình này được chia làm 2 phần nhằm hỗ trợ triệt để các hộ khó khăn tại Hà Tĩnh và Quảng Trị, với thông tin chi tiết như sau:

- ◆ Tại huyện Hương Khê, Hương Sơn – tỉnh Hà Tĩnh: Trao tặng các hộ dân khó khăn các vật dụng sinh hoạt và thực phẩm thiết yếu cho các em học sinh và gia đình với tổng giá trị tài trợ từ chương trình là hơn 200 triệu đồng. Trao tặng 4 tấn hạt giống ngô, 40 kg hạt giống rau của Công ty CP Giống cây trồng TW cho UBND 2 huyện để phân phát cho người dân sau cơn bão.
- ◆ Tại huyện Vĩnh Linh – tỉnh Quảng Trị: Trao tặng 40 lợn giống và 3.000 gà giống cho 80 hộ gia đình tại xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh.

Tại Pan Services

Cuối năm 2013, ngoài việc tham gia đóng góp vào quỹ hỗ trợ bệnh nhân nghèo do các đối tác, khách hàng của Công ty như Bệnh viện Ung bướu TP.HCM, Hội Chữ thập đỏ, Bệnh viện Nhi đồng 2 TP.HCM, Bệnh viện Hùng Vương, Công ty còn tổ chức đón lễ Giáng sinh cùng các bé đang điều trị tại Bệnh viện Nhi đồng 2 như một món quà tinh thần giúp các em và người thân có thêm khát vọng, niềm tin chiến thắng bệnh tật. Vào dịp cận kề Tết cổ truyền dân tộc, Công ty tổ chức ghé thăm tặng quà, ủng hộ tiền mặt giúp các bệnh nhân có điều kiện đón Tết Nguyên đán trong an lành và hạnh phúc.

Tại Aquatex Bến Tre

Trong những năm vừa qua, ABT đã đóng góp 4,43 tỷ đồng cho các chương trình xã hội và các hoạt động từ thiện hướng đến cộng đồng như: tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, xây dựng cầu đường nông thôn, quỹ khuyến học,... Đặc biệt, trong năm 2012, ABT đã bàn giao cho địa phương Trường Mầm non ABT theo chuẩn quốc gia có qui mô 150 học sinh tại xã Tân Thạch, là nơi công ty có trụ sở trong hơn 30 năm qua.

Riêng trong năm 2013, số tiền đã chi cho các hoạt động vì xã hội và cộng đồng như xây nhà tình thương cho người nghèo, tặng học bổng cho các em học sinh nghèo hiếu học, xây dựng cầu đường nông thôn và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho trường mầm non ABT là hơn 509 triệu đồng.

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

PAN luôn sẵn sàng tham gia các hoạt động bảo vệ, cải thiện môi trường thông qua việc đóng góp bằng nguồn lực con người và hỗ trợ tài chính. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn kêu gọi và truyền đạt về nhận thức bảo vệ môi trường đến tất cả các nhân viên của mình.

Sản phẩm dịch vụ thân thiện với môi trường

Tại PAN Pacific và các công ty thành viên, chúng tôi chỉ chú trọng phát triển và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ không gây tác động xấu đến môi trường. Các nguyên vật liệu, bao bì cho sản phẩm cũng phải đảm bảo thân thiện với môi trường và ưu tiên những nguyên vật liệu có thể tái sử dụng.

Kiểm soát chất thải vào môi trường

Công ty thành viên Aquatex Bến Tre (ABT) hiện đang sở hữu các chứng chỉ chất lượng như GLOBAL G.A.P, MSC CoC, BRC, ISO 9001, HACCP, EU Code DL22, HALAL. ABT cũng được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cấp giấy phép xả nước thải sau xử lý vào nguồn nước, và được xác nhận đã hoàn thành các công trình và các biện pháp bảo vệ môi trường. Với các chứng chỉ chất lượng trên, sản phẩm thủy sản của Công ty đạt tiêu chuẩn quốc tế, được phép xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài với yêu cầu chất lượng khắt khe như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ.

Đôi với PAN Services, hệ thống quản lý chất lượng mảng Dịch vụ vệ sinh của PAN hiện tại phù hợp với những yêu cầu của phiên bản mới ISO 9001:2008, thỏa mãn liên tục yêu cầu của Hệ thống quản lý chất lượng, và được tái chứng nhận bởi tổ chức Bureau Veritas.

Đầu tư trang thiết bị hiện đại

Tại các văn phòng, trụ sở, Công ty luôn ưu tiên sử dụng các thiết bị hiện đại, có tính năng tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

Tại các hồ nuôi, nhà máy sản xuất, ABT luôn lựa chọn những công nghệ tiên tiến và đầu tư những trang thiết bị hiện đại để đảm bảo giảm thiểu đến mức tối đa các tác động đến môi trường.

Sử dụng năng lượng hiệu quả

Chúng tôi luôn nhận thức rằng việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng sẽ có tác động đến môi trường sống. Để sử dụng năng lượng một cách có hiệu quả, Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục duy trì việc áp dụng các biện pháp để quản lý và sử dụng năng lượng:

- ◆ Xác lập hệ thống định mức và quản lý việc sử dụng năng lượng thực tế theo hướng tối ưu hóa năng lượng sử dụng.
- ◆ Sử dụng các loại thiết bị, công nghệ tiên tiến để tiết kiệm năng lượng.
- ◆ Áp dụng các hệ thống tạo năng lượng sử dụng các vật liệu sạch, an toàn với môi trường.

TRÁCH NHIỆM VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Công ty nghiêm túc chấp hành các chính sách điều tiết vĩ mô của Chính phủ về mọi mặt, đảm bảo tốt các chính sách đào tạo và chế độ bảo hiểm y tế hợp lý cho toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng khá hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy với sự cập nhật liên tục những chính sách, quyết định, công văn và thông báo của Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục thuế, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chủ quản.

Trong nhiều năm liền Công ty nhận được bằng khen do Chi Cục thuế quận Bình Thạnh và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh cấp cho những đóng góp tích cực cho xã hội.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
QUẢN TRỊ RỦI RO



Trong năm 2013, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã làm tốt các công việc theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ, đồng thời luôn tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Pháp luật hiện hành cũng như tất cả các Điều lệ của công ty nhằm giúp công ty phát triển vững chắc trong thời điểm kinh tế vẫn còn rất nhiều khó khăn.

HĐQT đã thực hiện các hoạt động giám sát việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02-12/2012/BBH-ĐHĐCĐBT ngày 07 tháng 12 năm 2012; Giám sát thực hiện chào mua công khai cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre; Giám sát việc thực hiện thoái vốn khỏi công ty con PAN TRADING và công ty liên kết – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (mã AGF – HOSE).

Bên cạnh đó, HĐQT định hướng tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc các công ty con và tham gia các cuộc họp định kỳ với các công ty này.

Năm 2013, HĐQT đã tiến hành 20 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hình thức đàm thoại và thư điện tử, ban hành 20 nghị quyết/ quyết định về các vấn đề chiến lược, kế hoạch hoạt động của Công ty. Những buổi họp thường xuyên đã giúp HĐQT theo dõi bao quát được tình hình hoạt động của công ty, bao gồm hiệu quả hoạt động của Ban điều hành, và định hướng giúp Công ty đạt được những mục tiêu mà Đại hội đồng Cổ đông giao phó, trên tinh thần minh bạch trong quá trình hoạt động, trong các giao dịch và trong chế độ lương thưởng. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

CÁC NGHỊ QUYẾT / QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2013

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01-01/2013/NQ-HĐQT	18/01/2013	Bổ sung nội dung triển khai phương án chào bán cổ phần riêng lẻ cho NQ số 11-12/2012/NQ-HĐQT
2	02-01/2013/NQ-HĐQT	18/01/2013	Quyết định thành lập Văn phòng đại diện tại Hà Nội
3	03-02/2013/NQ-HĐQT	19/02/2013	Quyết định giá chào bán cổ phiếu phát hành riêng lẻ
4	04-02/2013/QĐ-HĐQT	27/02/2013	Điều chỉnh thu nhập 2013 cho Ban Tổng Giám đốc
5	05-03/2013/QĐ-HĐQT	05/03/2013	Điều chỉnh danh sách nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ
6	06-03/2013/QĐ-HĐQT	08/03/2013	Thông qua việc phân phối cổ phiếu cho các nhà đầu tư trong đợt chào bán riêng lẻ
7	07-03/2013/NQ-HĐQT	12/03/2013	Quyết định tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2013
8	08-03/2013/NQ-HĐQT	21/03/2013	Chào mua công khai cổ phiếu ABT
9	09-04/2013/NQ-HĐQT	15/04/2013	Lưu ký và niêm yết và bổ sung 8,5 triệu cổ phiếu phát hành riêng lẻ
10	10-04/2013/NQ-HĐQT	25/04/2013	Quyết định về việc làm hồ sơ thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh
11	11-05/2013/NQ-HĐQT	16/05/2013	Bầu Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm TGD, Phó TGD, Thư ký Công ty; Cử thành viên phụ trách vấn đề nhân sự, lương, thưởng; và đề xuất ủy quyền của Chủ tịch HĐQT

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
12	12-05/2013/NQ-HĐQT	21/05/2013	Quyết định mua thêm 412.516 cổ phiếu ABT mà cổ đông chào bán vượt số lượng chào mua công khai
13	13-05/2013/NQ-HĐQT	28/05/2013	Họp HĐQT thường kỳ, báo cáo kết quả kinh doanh quý 1/2013
14	14-05/2013/QĐ-HĐQT	29/05/2013	Quyết định về việc làm hồ sơ thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh công ty mẹ
15	15-05/2013/QĐ-HĐQT	29/05/2013	Quyết định về việc làm hồ sơ thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh công ty thành viên (Công ty TNHH Một thành viên Xuyên Thái Bình)
16	16-07/2013/NQ-HĐQT	15/07/2013	Thành lập các Tiểu ban và phê duyệt các giao dịch với Công ty CP Đường Mặt trời
17	17-07/2013/NQ-HĐQT	18/07/2013	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường 2013
18	18-08/2013/NQ-HĐQT	30/08/2013	Quyết định mua 2.600.000 cổ phiếu AGF phát sinh từ quyền mua
19	19-12/2013/NQ-HĐQT	11/12/2013	Quyết định về việc bán lại phần vốn góp tại công ty con PAN TRADING
20	20-12/2013/NQ-HĐQT	26/12/2013	Thông qua chủ trương thoái vốn tại công ty liên kết - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGF)

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày 26/04/2013, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc từ nhiệm của 3 thành viên HĐQT bao gồm – ông Nguyễn Mạnh Hùng, bà Nguyễn Vũ Thùy Hương và ông Nguyễn Xuân Thủy, cũng như việc bổ nhiệm 5 thành viên mới. Những thành viên HĐQT mới ở PAN là những người giàu năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, tài chính, quản trị doanh nghiệp và lĩnh vực nông nghiệp.

Ông Nguyễn Duy Hưng được bầu làm Chủ tịch theo tinh thần của Nghị Quyết HĐQT số 11-05/2013/NQ-HĐQT, ngày 6/5/2013. Thành phần HĐQT mới như sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM KỲ
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	2013-2017
Tiến sĩ Michael Louis Rosen	Thành viên HĐQT	2013-2017
Giáo sư, Viện sĩ Trần Đình Long	Thành viên HĐQT	2013-2017
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	2013-2017
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	2013-2017
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	2013-2017
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT	2013-2017

Trong năm 2013, Công ty cũng đã chi trả 540 triệu đồng thù lao cho các thành viên HĐQT, đồng thời, thưởng 260 triệu đồng cho HĐQT do điều hành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2012.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Trong năm 2013, HĐQT đã ban hành nghị quyết số 16-07/2013/NQ-HĐQT về việc thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT. Theo đó, HĐQT đã thành lập 4 tiểu ban sau:

Tiểu ban Đầu tư

Tiểu ban Đầu tư có nhiệm vụ xây dựng chiến lược liên quan đến đầu tư, xây dựng cơ bản, và mua bán sáp nhập doanh nghiệp; Tham gia thẩm định, tư vấn quản lý, giám sát quá trình tổ chức triển khai các dự án đầu tư, các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các phương án đầu tư thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật. Cơ cấu nhân sự của Tiểu ban Đầu tư gồm:

1. Ông Nguyễn Duy Hưng – Trưởng ban
2. Bà Lê Thị Lệ Hằng – Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Trà My – Thành viên
4. Ông Trần Đình Long – Thành viên
5. Ông Michael Louis Rosen - Thành viên

Tiểu ban Nhân sự

Nhiệm vụ của tiểu ban Nhân sự là xem xét và xây dựng các chính sách lương thưởng theo định hướng của Hội đồng quản trị, xem xét khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, và các cán bộ quản lý cấp cao. Cơ cấu nhân sự của Tiểu ban này gồm có:

1. Bà Nguyễn Thị Trà My – Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Văn Khải – Thành viên

Tiểu ban Trách nhiệm xã hội

Tiểu ban Trách nhiệm xã hội có chức năng chính bao gồm xác định và xây dựng chiến lược đối với những vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội (các vấn đề về quản trị Công ty, tác động tới môi trường và xã hội) có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, hình ảnh cũng như uy tín của Công ty; Giám sát và đánh giá công tác thực hiện trách nhiệm xã hội của Công ty trong khuôn khổ phù hợp với nhận thức của xã hội; Xem xét và đưa ra khuyến nghị liên quan đến quy mô và nhu cầu thích hợp của Hội đồng quản trị. Cơ cấu nhân sự của Tiểu ban gồm:

1. Ông Nguyễn Duy Hưng – Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Văn Khải – Thành viên
3. Ông Michael Louis Rosen – Thành viên

Tiểu ban Quản trị độc lập

Nhiệm vụ chính của tiểu ban Quản trị độc lập là Giám sát Giao dịch Mua bán Sáp nhập; Xây dựng, đánh giá và phê duyệt quy trình của các giao dịch đầu tư; Giám sát Tuân thủ: Xây dựng, giám sát và đánh giá việc tuân thủ các quy chế, quy trình liên quan đến Quản trị, Tài chính và Kế toán của Công ty; và Giám sát Hậu Đầu tư: Phát triển chi tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Công ty Thành Viên. Cơ cấu nhân sự của Tiểu ban gồm:

1. Bà Lê Thị Lệ Hằng – Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thị Trà My – Thành viên
3. Ông Trần Đình Long – Thành viên



Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các mục tiêu kinh doanh năm 2013 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc; Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2013 theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra và xem xét báo cáo tài chính các quý và Báo cáo tài chính kiểm toán trong năm của PAN, cũng như báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết, công ty góp vốn dài hạn để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty. Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 2 lần, bầu Trưởng Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị cũng như việc chấp hành các quy chế, quy trình của Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện kiểm tra công tác hạch toán kế toán, các hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty, Ban kiểm soát đã cử đại diện tham dự tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị. Hiệu quả của công tác giám sát tuân thủ đã được tăng cường thông qua một số hoạt động cụ thể như sau:

Kiểm soát việc tuân thủ Luật pháp, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ

Qua quá trình kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của PAN hoàn toàn tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam, điều lệ công ty, và các hướng dẫn cho công ty niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được triển khai thành công. Ban kiểm soát đã theo dõi quy trình chi trả cổ tức, việc mua bán các tài sản theo chủ trương của các Nghị quyết HĐQT.

Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo qui định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Giám sát tình hình hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc

Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT đều bám sát tình hình thị trường, thực tế hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, từ đó thực hiện tốt chức năng quản trị và định hướng cho hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích của hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc sử dụng nguồn vốn huy động được qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ đầu năm 2013.

Theo dõi tình hình tài chính của công ty

Ban Kiểm soát đã tham gia kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo qui định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác, cũng như đã tiến hành đánh giá hoạt động tài chính của PAN theo từng quý. Dựa trên báo cáo của Ban giám đốc cùng với báo cáo tài chính đã kiểm toán, Ban Kiểm soát kết luận rằng PAN tiếp tục duy trì tình hình tài chính vững mạnh, với khả năng thanh khoản và khả năng sinh lời cao, tỷ lệ nợ thấp, và kết quả kinh doanh hoàn thành vượt kì vọng của Đại hội đồng cổ đông 2013.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Năm 2013, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra.

Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát, tài liệu họp và các Nghị quyết của HĐQT được cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban kiểm soát theo đúng quy định.

Ban kiểm soát cũng nhiều lần đưa ý kiến góp ý đối với công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, Ban tổng giám đốc, từ đó góp phần cùng Ban điều hành giải quyết các khó khăn phát sinh.

Đối với vấn đề thù lao của Ban kiểm soát, trong năm 2013, PAN đã chi trả 180 triệu đồng thù lao cho Ban kiểm soát và thưởng 90 triệu đồng cho Ban kiểm soát do công ty vượt kế hoạch kinh doanh năm 2012.

Đại hội đồng cổ đông thường niên PAN tổ chức vào ngày 26/4/2013 đã bầu ra Ban kiểm soát mới gồm các thành viên sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỨC ĐỘ ĐỘC LẬP
Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng BKS	Không phải là người lao động của Công ty
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên BKS	Không phải là người lao động của Công ty
Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Thành viên BKS	Là người lao động của Công ty



Risk

RỦI RO KINH TẾ VĨ MÔ

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

RỦI RO TÍN DỤNG

RỦI RO THANH KHOẢN

RỦI RO VẬN HÀNH

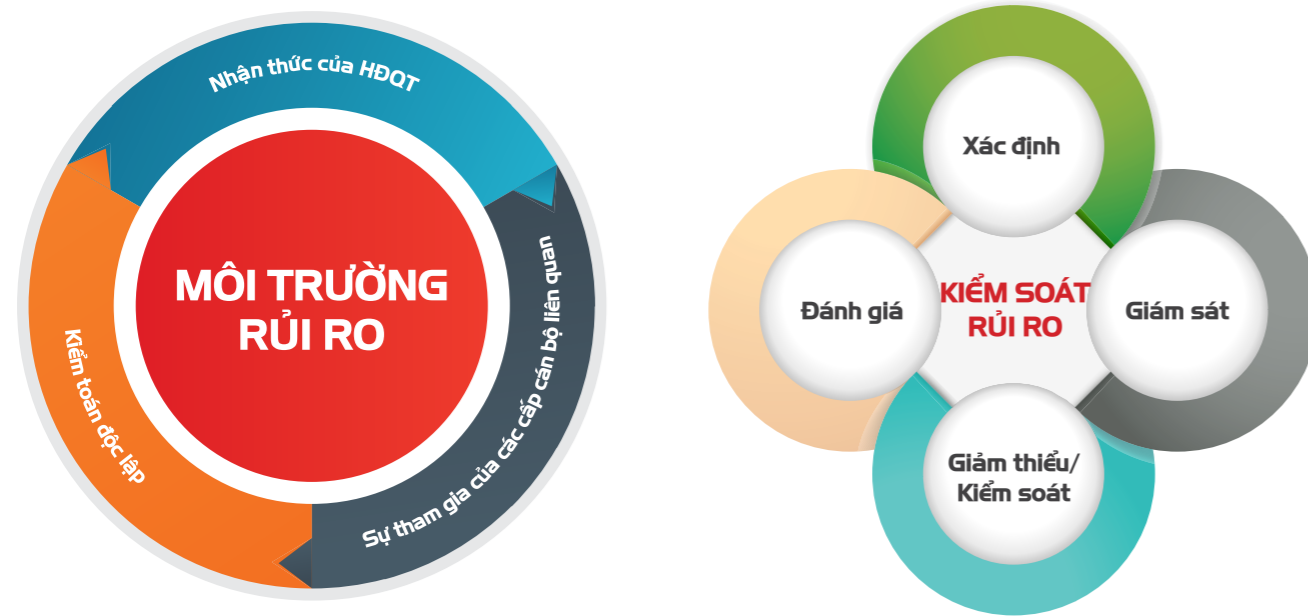
RỦI RO HỆ THỐNG VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

RỦI RO TUÂN THỦ

RỦI RO THƯƠNG HIỆU

RỦI RO PHÁP LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO ĐƯỢC PAN XÂY DỰNG



Trong bối cảnh tình hình kinh tế vẫn còn nhiều biến động và bất ổn, PAN luôn chú trọng tăng cường hệ thống quản lý rủi ro nhằm mục đích ngăn ngừa và giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra, đồng thời tạo điều kiện để đạt được mục tiêu kinh doanh một cách an toàn và hiệu quả. Các chính sách quản lý rủi ro được xem xét, kết hợp và thống nhất áp dụng vào toàn bộ hoạt động kinh doanh của PAN. Ban lãnh đạo PAN đã xây dựng hệ thống kiểm soát và liên tục theo dõi, hoàn thiện quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí cơ hội bỏ lỡ.

PAN phân loại rủi ro thành các nhóm chủ yếu sau đây:

RỦI RO KINH TẾ VĨ MÔ

Những rủi ro phát sinh từ môi trường kinh tế vĩ mô bao gồm tỷ giá hối đoái, lạm phát, lãi suất...

Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam khi vẫn còn chịu ảnh hưởng của sự bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công châu Âu. Những bất lợi từ sự sụt giảm của kinh tế thế giới ảnh hưởng xấu đến hoạt động đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh và thu nhập trong nước. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua hạn chế, tỷ lệ nợ xấu tại các ngân hàng trong nước ở mức đáng lo ngại... gây ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của PAN là thủy sản và dịch vụ tiện ích chịu sự tác động của tình hình kinh tế vĩ mô. Do đó, những biến động bất lợi của nền kinh tế có thể dẫn đến suy giảm nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ của PAN. Ngoài ra, những biến động về giá trên thị trường của các nhân tố đầu vào cũng có tác động đến tỷ suất lợi nhuận của từng hoạt động.

PAN quản trị rủi ro kinh tế vĩ mô thông qua tập trung nghiên cứu kỹ tình hình biến động thị trường, duy trì quy mô thị trường ở mức hợp lý và theo dõi, quan hệ chặt chẽ với khách hàng, tổ chức sản xuất theo quy trình khép kín, quản lý chặt chẽ các yếu tố làm phát sinh chi phí đầu vào ở mức tốt nhất, chú trọng cải thiện chất lượng và phát triển các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường bao gồm những biến động của các yếu tố như lãi suất, tỷ giá hối đoái, thanh khoản của thị trường, giá cổ phiếu, chi phí giá vốn và các rủi ro biến động giá thị trường khác gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và giá trị của các khoản đầu tư tài chính của PAN. Mục đích của quản lý rủi ro thị trường là kiểm soát các rủi ro này trong giới hạn có thể chấp nhận, đồng thời tối đa hóa lợi nhuận thu được. Các nội dung quản lý rủi ro thị trường được PAN thực hiện bao gồm:

- ♦ **Rủi ro về lãi suất:** Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất chủ yếu liên quan đến khoản nợ vay ngắn hạn có lãi suất, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty mẹ và một số Công ty con. PAN quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, PAN dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại và kiểm soát rủi ro lãi suất nằm trong giới hạn quản lý của mình.

- ♦ **Rủi ro về tỷ giá hối đoái:** Rủi ro về tỷ giá hối đoái hay còn gọi là rủi ro ngoại hối phát sinh khi giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai tính toán trong kế hoạch, phương án tài chính sẽ biến động do tác động của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

PAN có thể phải đối mặt với nguy cơ thay đổi tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động hiện tại như doanh thu xuất khẩu từ Công ty con và các nguồn huy động vốn bằng ngoại tệ. Tuy nhiên, rủi ro này đã được dự tính trong các đợt phát hành tăng vốn và PAN đã có cơ chế chủ động phòng ngừa, thông qua các chính sách điều chỉnh nguồn thu có yếu tố ngoại tệ, cơ chế xuất khẩu và tín dụng thương mại ...

- ♦ **Rủi ro về giá cổ phiếu:** Các cổ phiếu do PAN nắm giữ ngắn hạn có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản đầu tư. PAN quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị của PAN cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu, trong đó chú trọng các cổ phiếu có chỉ số cơ bản tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, chỉ số P/E hợp lý. Các chuyên viên phân tích đầu tư tại PAN thường xuyên theo dõi hoạt động cơ bản của các doanh nghiệp liên quan để xác định những tác động trọng yếu lên giá các cổ phiếu này, từ đó ra quyết định đầu tư / thoái vốn hợp lý.

- ♦ **Rủi ro về giá hàng hóa:** Trong hoạt động nuôi trồng và chế biến xuất khẩu sản phẩm thủy sản, PAN quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường thủy sản trong nước và quốc tế nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng phát sinh khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao kết giữa các bên không thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho các bên còn lại.

Rủi ro tín dụng ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và các hoạt động tài chính của PAN, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ hối đoái và các công cụ tài chính khác.

Để kiểm soát hiệu quả rủi ro tín dụng, PAN thường xuyên cập nhật số theo dõi tuổi nợ, đồng thời xem xét, đánh giá định kỳ sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi, công cụ tài chính. PAN cũng đồng thời chú trọng duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu khách hàng tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro. Mặt khác, rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của PAN.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản phát sinh khi PAN thiếu vốn để thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản của PAN chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

PAN thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc quản trị dòng tiền chặt chẽ, duy trì lượng tiền mặt và tiền gửi hợp lý, sắp xếp các hợp đồng tín dụng ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng, thu xếp các nguồn tài chính khác để đảm bảo khoản vay sẽ được hoàn trả sau khi PAN hoàn thành các kế hoạch tài chính, duy trì các chỉ số khả năng thanh toán ở mức lành mạnh và tỷ lệ hợp lý, cân đối giữa tài sản và công nợ. Hàng tháng, các báo cáo dòng tiền và tình hình thanh khoản của PAN được các bộ phận liên quan lập và báo cáo kịp thời với Ban Điều hành.

RỦI RO VẬN HÀNH

Rủi ro vận hành gây tổn thất cho PAN khi các quy trình hoạt động sai lệch hoặc không đầy đủ, hoặc khi con người vận hành không đúng với các quy trình đã đề ra, hoặc có sự tác động của các sự kiện bên ngoài.

Công tác quản trị rủi ro vận hành được PAN đặc biệt chú trọng và xác định là nhân tố cốt yếu dẫn tới thành công hay thất bại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động quản trị rủi ro vận hành hiện nay được áp dụng trong 02 mảng kinh doanh cốt lõi của PAN:

Hoạt động dịch vụ tiện ích:

PAN hiện đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với những yêu cầu của phiên bản mới ISO 9001:2008, được chứng nhận bởi tổ chức Bureau Veritas. Với chứng chỉ này, PAN đảm bảo thỏa mãn liên tục yêu cầu của Hệ thống quản lý chất lượng.

PAN thường xuyên ban hành, soát xét và sửa đổi các chính sách quản lý về chất lượng, cải tiến quy trình công việc nhằm giám định mức tiêu hao, vật tư, nâng cao kỷ luật lao động, ... kết hợp thực hiện tốt công tác thị trường nhằm hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận. PAN xác định hiệu quả hoạt động dịch vụ tiện ích phụ thuộc nhiều vào yếu tố con người, do đó các chính sách của Nhà nước cũng như ảnh hưởng của thị trường về tiền lương và chi phí lương (chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí kinh doanh) được Ban Điều hành đặc biệt quan tâm và đánh giá ảnh hưởng để từ đó có kế hoạch, phương án xử lý phù hợp.

Hoạt động kinh doanh thủy sản:

PAN nhất quán áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng từ khâu nuôi trồng cho đến chế biến theo các tiêu chuẩn quốc tế định hướng phát triển bền vững như ASC, Global GAP, MSC, ... Trong năm 2013, hàng loạt các chính sách quản lý về chất lượng và cải tiến quy trình sản xuất nhằm giám định mức tiêu hao, nâng cao chất lượng tiến tới hạ giá thành sản phẩm được áp dụng, kết hợp làm tốt công tác thị trường giúp PAN đảm bảo được doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận.

RỦI RO HỆ THỐNG VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

PAN đánh giá công tác quản lý rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin có tầm quan trọng cốt yếu đến việc triển khai các chiến lược, kế hoạch kinh doanh của mình. Những trường hợp trực trực hệ thống, ngừng hoạt động và rò rỉ thông tin kinh doanh sẽ gây tổn hại lớn về tài chính và sụt giảm uy tín của Công ty.

Trong năm 2013, PAN đã cải tiến, áp dụng nhiều giải pháp công nghệ hữu ích nhằm hoàn thiện hệ thống Công nghệ thông tin như triển khai ứng dụng và cải tiến các công nghệ mã nguồn mở, triển khai và ứng dụng công nghệ ảo hóa trên nền tảng Citrix... từ đó nâng cao tính an toàn của hệ thống.

Tại PAN, hệ thống quản lý bảo mật thông tin là một phần của hệ thống quản lý rủi ro toàn diện, chủ yếu tiếp cận và kết hợp với quản lý rủi ro trong kinh doanh để thiết lập, thực thi, vận hành, giám sát, xem xét, duy trì và cải thiện bảo mật thông tin. PAN luôn tuân thủ các quy trình chặt chẽ về phân cấp tiếp cận và bảo mật thông tin. Các nhân viên được tuyển dụng tại PAN đều được phổ biến quy chế bảo mật thông tin và cam kết bảo mật mọi thông tin kinh doanh được tiếp cận.

RỦI RO TUÂN THỦ

Rủi ro tuân thủ gây tổn thất cho PAN khi phát sinh các hoạt động hoặc giao dịch không tuân thủ các luật, quy định, quy tắc, tổ chức quy định tiêu chuẩn... Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của PAN trong năm vừa qua và những năm tiếp theo. Một số biện pháp được thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuân thủ bao gồm:

- ◆ Thiết kế quy trình nghiệp vụ, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra;
- ◆ Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên;
- ◆ Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ;
- ◆ Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty;
- ◆ Trường hợp có những giao dịch chuyên môn đặc thù khác với hoạt động thường xuyên, Công ty chủ động lấy ý kiến tư vấn của các chuyên gia có uy tín để đảm bảo tính tuân thủ.

Hệ thống kiểm soát nội bộ đóng góp một phần quan trọng trong việc phòng ngừa rủi ro tuân thủ. Các chuyên viên kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và các qui trình, qui định nội bộ được ban hành. Việc kiểm soát được thực hiện theo hình thức định kỳ và đột xuất tại các bộ phận và tập trung hơn tại các bộ phận có khả năng xảy ra nhiều sai phạm. Kết quả kiểm soát nội bộ cũng giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi qui trình nghiệp vụ cho phù hợp với thay đổi của luật và tình hình sản xuất kinh doanh nhằm hạn chế rủi ro.

RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Đối với PAN, thương hiệu là một tài sản vô hình có giá trị đặc biệt. Rủi ro thương hiệu chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về Công ty, dẫn tới ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ. Những rủi ro về thông tin lời đồn sai sự thật có thể ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín của Công ty, làm suy giảm lòng tin của khách hàng, cổ đông, đối tác, cộng đồng đối với Công ty và dẫn đến những thiệt hại nặng nề về tài chính.

Với định hướng về thương hiệu “PAN Pacific mong muốn trở thành công ty hàng đầu khu vực trong lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm tiêu dùng và dịch vụ tiện ích”, PAN theo đuổi chiến lược marketing và truyền thông năng động và chú trọng đến các quy trình, quy định kiểm soát rủi ro thương hiệu. Bộ phận truyền thông của PAN chịu trách nhiệm nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các hoạt động Marketing, xây dựng và phát triển các kế hoạch truyền thông rõ ràng để mọi thông tin cần thiết được truyền tải kịp thời và đầy đủ. Mọi tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ phía PAN đều mang tính nhất quán trên tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng.

PAN luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin thường xuyên và thông tin bất thường. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông, PAN nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà đầu tư một cách đầy đủ, minh bạch và kịp thời.

RỦI RO QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Trong bối cảnh thị trường khó khăn, sự phát triển và thành công của PAN phụ thuộc rất lớn vào một số vị trí quản lý chủ chốt, cũng như những nhân sự có trình độ và kinh nghiệm.. Kế hoạch thu hút những nhân sự giỏi cũng như mở rộng nguồn nhân lực của PAN là yếu tố quyết định đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai. Do đó, PAN chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực để đảm bảo duy trì, phát triển lực lượng nhân sự chất lượng cao với cơ cấu tổ chức linh hoạt, hiệu quả, tối ưu chi phí vận hành. PAN hướng trọng tâm vào việc tuyển dụng và đào tạo nhân sự đầy đủ năng lực, chuyên môn sâu, có đạo đức nghề nghiệp và phong cách làm việc chuyên nghiệp.

RỦI RO PHÁP LÝ

PAN là Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán HCM, hoạt động kinh doanh của PAN được chi phối bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán, thương mại, thuế,... Các văn bản pháp luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của PAN.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty con cũng bị chi phối bởi các chính sách về nông nghiệp cũng như các quy định về xuất nhập khẩu, cạnh tranh của Việt Nam và nước ngoài. Bộ phận Pháp lý và tuân thủ của PAN bao gồm các chuyên gia tư vấn giàu kinh nghiệm. Bộ phận này thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có đối với hoạt động kinh doanh của PAN để kịp thời tư vấn cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, bộ phận Pháp lý và tuân thủ còn có trách nhiệm rà soát các văn bản, hợp đồng của PAN để hạn chế các rủi ro pháp lý liên quan.

Khi cần thiết, PAN luôn có các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện các giao dịch pháp lý phức tạp.



KẾ HOẠCH 2014

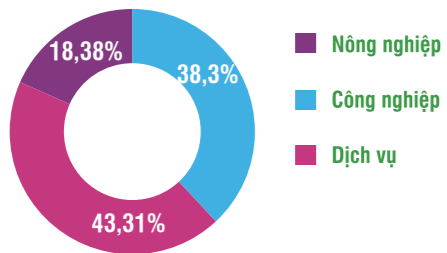
ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2014

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Nông nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế, đóng góp hơn 18% vào GDP và 21% trong tổng doanh thu xuất khẩu. Trên 48% lực lượng lao động của nền kinh tế hiện làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và khoảng 6% trong lĩnh vực chế biến sau thu hoạch.

Năm 2013 là một năm tái thiết nền kinh tế, cầu nội địa giảm, khu vực ngân hàng thu hẹp và nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu truyền thống cũng giảm. Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc gia đạt 5,42%, thấp hơn mục tiêu 5,5% nhưng ngành nông nghiệp vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng 2,67%, thay đổi không nhiều so với mức tăng trưởng 2,72% của năm 2012. Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 801,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,95% so với năm 2012, trong đó: Nông nghiệp đạt 602,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,47%; Lâm nghiệp đạt 22,4 nghìn tỷ đồng, tăng 6,04%; Thủy sản đạt 176,5 nghìn tỷ đồng, tăng 4,22%.

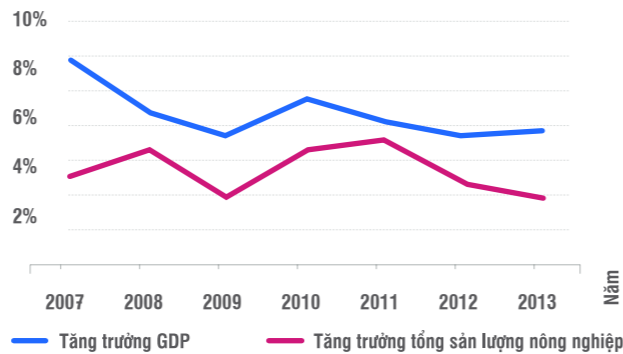
TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP CỦA CÁC NGÀNH TRONG GDP



Tổng giá trị xuất khẩu ngành nông nghiệp ước tính vào khoảng 27,5 tỷ USD. Các sản phẩm xuất khẩu có doanh số lớn nhất bao gồm thủy sản đạt 6,7 triệu USD, trong đó riêng xuất khẩu cá tra đạt 1,8 tỷ đồng (tăng 3%) và doanh thu xuất khẩu gạo đạt 2,95 triệu USD.

Nông nghiệp luôn là một trụ cột bền vững của nền kinh tế, tạo ra hàng triệu việc làm, xuất khẩu ròng, đóng góp tới một phần tư vào tổng kim ngạch xuất khẩu của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp đã giảm từ mức bình quân 4% trong giai đoạn 1995-2000 xuống 2,67% trong năm 2013. Hiện ngành nông nghiệp đang đối mặt với nhiều khó khăn, giá xuất khẩu giảm kim hãm sản xuất, và ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của nông dân.

SO SÁNH TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG NÔNG NGHIỆP VỚI TĂNG TRƯỞNG GDP



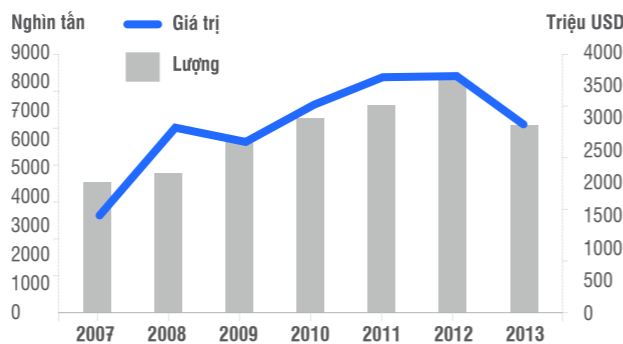
Chi phí vốn thấp là nền tảng cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, điều này khó có thể duy trì lâu dài do chi phí lao động tăng và cạnh tranh giữa các ngành trong việc sử dụng các nguồn lực tự nhiên như nước sạch và đất đai. Ngành nông nghiệp đang đối mặt với nhiều thách thức trong việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại và tương lai của người dân về nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân và nhu cầu nâng cao chất lượng thực phẩm của người tiêu dùng.

Bối cảnh này càng thúc đẩy Việt Nam phải tăng tốc tái cấu trúc nền nông nghiệp theo hướng gia tăng giá trị sản xuất, hiệu quả và bền vững.

LÚA GẠO

Lúa gạo là nhóm hàng quan trọng nhất trong nông nghiệp, chiếm tới 53% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp và 10% GDP của cả nước. Sản xuất lúa gạo là nguồn thu nhập chủ yếu của hơn 50% nông dân. Giá trị ngành lúa gạo hiện ước tính khoảng 17 tỷ USD, là sinh kế của 9,5 triệu hộ gia đình với tổng sản lượng hàng năm là 43 triệu tấn thóc phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

KIM NGẠCH VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU GẠO VIỆT NAM QUA CÁC NĂM



Việt Nam vẫn luôn là nước có kim ngạch xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới trong suốt bốn năm qua (đứng sau Thái Lan hoặc Ấn Độ), mặc dù đứng đầu về khối lượng xuất khẩu. Tuy nhiên, phần lớn gạo xuất khẩu của Việt Nam đều có giá thấp hơn so với giá của các quốc gia cùng cạnh tranh. Giá gạo 5% tằm của Việt Nam hiện nay đang được chào bán với mức giá khoảng 400 USD/tấn, thấp hơn gạo cùng loại của Thái Lan tới 130 USD/tấn.

THỦY SẢN

Việt Nam hiện là một cường quốc xuất khẩu thủy sản, đứng ở vị trí thứ tư thế giới sau Trung Quốc, Na Uy và Thái Lan, chiếm 4,76% thị phần thương mại thủy sản thế giới.

Việt Nam hiện đang chiếm tới 95% sản lượng cá tra thế giới nhờ có các lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn nước ngọt và cơ sở hạ tầng ngày càng phát triển. Tuy nhiên, ngành cá tra Việt Nam vẫn còn rất nhỏ lẻ khi có tới trên 160 công ty xuất khẩu cạnh tranh lẫn nhau trên thị trường quốc tế. Lợi nhuận của các công ty chế biến xuất khẩu cá tra giảm dần trong những năm qua do sự cạnh tranh lẫn nhau giữa các công ty trong nước, sự yếu kém của các doanh nghiệp Việt Nam trong việc tạo dựng hình ảnh và thương hiệu tại thị trường Châu Âu và các rào cản thuế quan tại Mỹ, cùng với sự thiếu hụt nguồn nguyên liệu trong nước.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG 2014

Bước sang năm 2014, kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn như sức cầu thấp, tín dụng thắt chặt và bối cảnh cạnh tranh cao trên thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, những khó khăn này đồng thời cũng mang lại nhiều cơ hội nâng cao vai trò trụ cột của nông nghiệp đối với nền kinh tế như Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng đã đánh giá “Nông nghiệp phải là bả đỡ của nền kinh tế”.

Về vấn đề này, Bộ trưởng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Cao Đức Phát cho rằng: “Đã đến lúc chúng ta phải chuyển từ nền nông nghiệp tập trung cho sản lượng sang một nền nông nghiệp tập trung nâng cao chất lượng, đặc biệt là giá trị gia tăng để làm tăng thu nhập cho nông dân. Điều đó đã thể hiện rất rõ trong Đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt”. Đề án “Tái cấu trúc ngành nông nghiệp” đã được thông qua vào giữa năm 2013 và dự kiến sẽ được triển khai bắt đầu từ năm nay.

Theo ông Đặng Kim Sơn, Viện trưởng Viện Chính sách và Chiến lược nông nghiệp phát triển nông thôn: “Việt Nam cần phải tiếp tục đầu tư cho sản xuất lúa bằng các giải pháp dài hạn như quy hoạch vùng sản xuất lúa gạo hàng hóa; xây dựng thương hiệu lúa gạo Việt Nam; nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, bảo quản và chế biến lương thực, tăng cường nghiên cứu, chọn tạo các giống lúa có năng suất cao, chống chịu tốt”.

Việt Nam kỳ vọng sẽ được hưởng lợi lớn từ việc tham gia Hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) giữa 12 quốc gia (Úc, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Mỹ và Việt Nam), một khối với tổng dân số lên tới 792 triệu người và GDP lên tới 26 nghìn tỷ USD, chiếm tới 40% GDP toàn cầu.

Trung Quốc, Thái Lan và Ấn Độ, các đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam trên thị trường nông nghiệp hiện chưa phải là các đối tác của TPP. Do đó, xuất khẩu nông sản của Việt Nam, đặc biệt là xuất khẩu gạo, có thể được hưởng lợi nhờ việc xuất khẩu vào các quốc gia thành viên TPP. Trong đó, Mỹ và Nhật Bản là hai thị trường xuất khẩu truyền thống của Việt Nam với các mặt hàng thủy sản và nông sản, Singapore và Malaysia là các nhà nhập khẩu gạo truyền thống của Việt Nam.

Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng ngành nông nghiệp từ 2,6%-3% trong năm 2014 với tăng trưởng tổng sản lượng là 3,1%-3,5% và xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 28,5 tỷ USD.



MỤC TIÊU

Một chiến lược hoàn hảo giúp mang lại thành công cho doanh nghiệp chỉ khi doanh nghiệp đó đã chọn cho mình mục tiêu đúng đắn. Câu hỏi "Chúng ta cần theo đuổi điều gì?" luôn phải được đặt ra trước khi nghĩ đến việc "Làm thế nào để chúng ta đạt được điều đó?"

PAN Pacific theo đuổi mục tiêu xây dựng một công ty hàng đầu khu vực về nông nghiệp và thực phẩm, khởi nghiệp từ Việt Nam và sẽ mở rộng trên toàn khu vực, nhờ chiến lược mua lại và hợp nhất các công ty hoạt động hiệu quả, minh bạch và quản trị tốt.

ĐỊNH HƯỚNG HÀNH ĐỘNG

Hướng đi của PAN - "Farm.Fish.Food.Family" - đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 26/4/2013 vừa qua. Quy mô vốn của PAN đã tăng từ 115,5 tỷ VNĐ lên 200,5 tỷ VNĐ. Công ty đã huy động 204 tỷ đồng (tương đương với gần 10 triệu USD) và mua 54,6 % cổ phần tại Aquatex Bến Tre (mã ABT - HOSE), một công ty sản xuất, chế biến và xuất khẩu thủy sản cao cấp.

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và Công ty sau đó đã phát hành thêm 20.312.500 cổ phiếu để huy động 650 tỷ đồng (tương đương với 31 triệu USD) trong những tháng đầu năm 2014. Số lượng cổ đông của Công ty cũng đã mở rộng bao gồm cả các nhà đầu tư và các quỹ đầu tư quốc tế uy tín. Vốn huy động đã dùng để mua lại cổ phần đa số tại các công ty nông nghiệp hoạt động hiệu quả, theo đúng định hướng của PAN về việc mở rộng theo chiều ngang trong một số ngành xác định, và là cơ sở để phát triển theo chiều dọc, kết nối từ vật tư nông nghiệp cho nông dân tới các sản phẩm thực phẩm tiêu dùng đóng gói có thương hiệu.

Các thành phần cấu thành chuỗi giá trị trong ngành nông nghiệp hiện nay vẫn đang trong tình trạng manh mún, phân tán, làm giảm lợi nhuận của người nông dân, hạn chế chất lượng sản phẩm và đánh mất lòng tin của người tiêu dùng. PAN hiểu rằng đây là cơ hội lớn nếu phát triển đúng hướng và không ngừng tự cải thiện mỗi ngày.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

HDQT của PAN nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của các cổ đông đối với chiến lược hoạt động hướng tới khai thác các cơ hội đặc biệt ở Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm tiêu dùng đóng gói. Do đó, chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư và mua lại những doanh nghiệp hàng đầu thị trường trong ngành để tạo thành chuỗi liên kết vững mạnh, từ đó xây dựng vị thế hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm.

Trong lĩnh vực dịch vụ tiện ích, PAN tập trung phát triển các dịch vụ tiện ích và bảo trì bất động sản phân khúc cao cấp; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn chất lượng hàng đầu để khẳng định và duy trì vị thế, thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ của công ty hiện nay.

KẾ HOẠCH NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY

Để đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị, trong năm 2014, PAN đề ra kế hoạch rà soát hệ thống văn bản, quy chế, các quy định của Công ty để đảm bảo phù hợp thực tế và mang tính khả thi. Bên cạnh đó, tiểu ban Quản trị độc lập sẽ xây dựng thêm các quy trình, quy chế làm việc ở các bộ phận liên quan đến kiểm soát, hệ thống quản lý thông tin.

Nguồn nhân lực con người luôn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của các doanh nghiệp hay tổ chức. Cũng như các doanh nghiệp khác, để phát triển một cách bền vững, PAN đặc biệt quan tâm chú trọng đến việc Quản trị Nhân sự, hoạch định bố trí sử dụng con người với những giải pháp chủ yếu như sau:

- ◆ Thu hút nhân tài, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ nhân viên thông qua việc tổ chức các khóa học trong và ngoài nước cho nhân viên nâng cao trình độ; Xây dựng và thực hiện quy chế tuyển dụng minh bạch và công khai, chế độ đãi ngộ tốt để tuyển dụng những nhân viên có năng lực thực sự.
- ◆ Tiếp tục thực hiện những chính sách đãi ngộ, chăm lo đến đời sống của cán bộ, nhân viên. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên và người thân nhằm khích lệ người lao động gắn bó với PAN.

- ◆ Hoàn thiện hệ thống và áp dụng các biện pháp quản trị nhân sự tiên tiến, trả lương cho nhân viên theo năng lực thông qua hệ thống đánh giá cụ thể, minh bạch và công khai.
- ◆ Tổ chức nhiều hoạt động phát triển văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc năng động, gắn kết các nhân viên trong Công ty.

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2014, PAN đặt mục tiêu hướng tới sự tăng trưởng bền vững trong dài hạn, tối ưu hóa lợi nhuận và đảm bảo an toàn vốn cổ đông. Để đạt được mục tiêu này, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành PAN xác định quản trị rủi ro là một trong những nguyên tắc quản trị Công ty hàng đầu cần được đặc biệt chú trọng. Chính sách quản trị rủi ro là một hệ thống xuyên suốt được xây dựng, phát triển nhằm nâng cao giá trị và chất lượng quản trị Công ty.

Để quản lý và kiểm soát một cách tốt nhất các rủi ro trong quá trình phát triển, PAN có kế hoạch tiếp tục duy trì và hoàn thiện công tác quản trị rủi ro trong năm 2014:

- ◆ Hoàn thiện và nâng cao hệ thống quản trị rủi ro (chính sách, thủ tục, quy trình, hệ thống báo cáo) và hệ thống kiểm soát cho từng hoạt động cụ thể (như quy chế quản lý đầu tư, quy chế công bố thông tin, quy chế quản lý tài chính, quy chế quản trị, ...), từ đó phát triển các kế hoạch ứng phó nhằm ngăn ngừa, xử lý các rủi ro một

cách phù hợp và hiệu quả.

- ◆ Hoàn thiện cơ cấu quản trị rủi ro với các chủ thể quản trị rủi ro được phân thành nhiều lớp, phát triển cơ chế tự đánh giá kiểm soát, tăng cường phối hợp và phát huy vai trò của Ban Kiểm soát cũng như các Tiểu ban chuyên trách về quản lý rủi ro ở cấp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành.
- ◆ Xây dựng, tuyển dụng và đào tạo nhân sự quản trị rủi ro có kiến thức và kỹ năng về các lĩnh vực cụ thể, theo sát quá trình quản trị rủi ro trong lĩnh vực chuyên sâu được phụ trách.
- ◆ Liên tục cập nhật quy chế, quy trình kiểm soát phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với những thay đổi thực tế của thị trường.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Hiện nay, công nghệ thông tin đang hiện diện và đóng vai trò quan trọng không thể thiếu trong quá trình quản trị, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Nhận thức rõ vấn đề này, trong năm 2014, PAN chủ trương thực hiện các giải pháp sau:

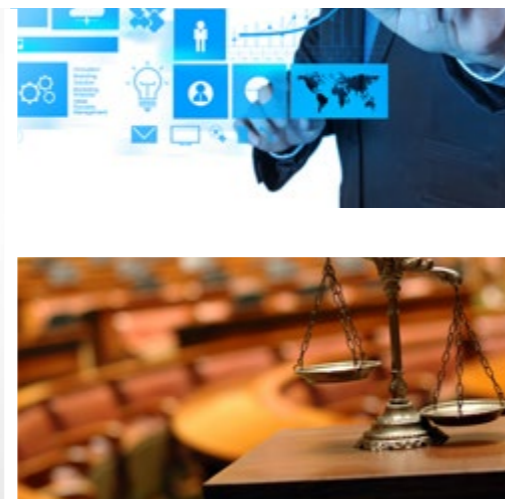
- ◆ Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu (R&D), làm chủ các công nghệ, giải pháp công nghệ mới hướng đến tự động hóa toàn bộ hệ thống doanh nghiệp. Tự triển khai, cải tiến, hoặc thuê mua các phần mềm tiện ích phục vụ cho doanh nghiệp:

- Hệ thống quản lý đào tạo.
 - Hệ thống quản lý thời gian (timesheet).
 - Hệ thống quản trị rủi ro.
 - Ứng dụng hệ thống tele-conference giữa các vùng miền.
- ◆ Thay thế, nâng cấp các phần mềm và phần cứng đã lỗi thời không phù hợp với xu hướng công nghệ hiện tại; Thực hiện tin học hóa toàn bộ trong công tác quản lý, sản xuất và kinh doanh.
 - ◆ Ứng dụng điện toán đám mây vào doanh nghiệp nhằm giúp giảm chi phí bảo trì hạ tầng CNTT, để dành nâng cấp, mở rộng.
 - ◆ Tại mỗi bộ phận đều có sử dụng phần mềm chuyên dụng phục vụ kết nối dữ liệu và xử lý thông tin đảm bảo tính năng hiệu suất và tiết kiệm chi phí (phần mềm kế toán, phần mềm nhân sự, hệ thống camera giám sát và hệ thống giám sát tại các phòng ban, hệ thống tích hợp với phần mềm chấm công và quản lý nhân sự, sử dụng mạng nội bộ).
 - ◆ Tiếp tục đầu tư cho website giới thiệu, quảng bá thông tin hình ảnh của Công ty.
 - ◆ Hoàn thiện dây chuyền sản xuất thủy sản nhằm đạt được các chứng chỉ về chất lượng bao gồm IFS, BAP, BSCI.

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

PAN mong muốn được tạo ra một sự khác biệt đầy tích cực, đóng một vai trò quan trọng trong việc kết nối và hợp nhất một mô hình “Phát triển đồng hành cùng Trách nhiệm” trong toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp và thực phẩm.

Trong năm 2014, PAN sẽ nỗ lực hết sức để đem lại lợi ích cao nhất cho các nhà đầu tư, cung cấp những sản phẩm và dịch vụ chất lượng tốt nhất, đem tới cho nhân viên những cơ hội việc làm tốt cùng với khả năng tiên bộ cao, để giúp ích nhiều hơn cho cộng đồng cũng như sự bền vững mà chúng tôi đang ngày đêm đóng góp. Những nỗ lực này đã và sẽ tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự phát triển của PAN trong hiện tại và tương lai.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ◆ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ◆ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ◆ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ◆ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Khải
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61063721/16416848

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình và các công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 70 đến trang 115, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 8 tháng 3 năm 2013.

Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam.

Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 0048-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 2211-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		920.716.306.275	193.694.101.271
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	171.452.034.042	49.860.270.524
111	1. Tiền		57.932.301.545	14.157.439.736
112	2. Các khoản tương đương tiền		113.519.732.497	35.702.830.788
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	13	482.626.360.687	37.692.832.899
121	1. Đầu tư ngắn hạn		546.815.652.394	50.117.189.303
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(64.189.291.707)	(12.424.356.404)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		153.240.289.848	91.329.217.529
131	1. Phải thu khách hàng	6	91.732.304.394	39.915.402.531
132	2. Trả trước cho người bán	7	53.302.610.913	51.134.848.432
135	3. Các khoản phải thu khác	8	8.929.705.921	416.431.473
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(724.331.380)	(137.464.907)
140	IV. Hàng tồn kho	9	94.066.669.285	10.270.528.354
141	1. Hàng tồn kho		108.238.805.760	10.395.198.872
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.172.136.475)	(124.670.518)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.330.952.413	4.541.251.965
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.671.600.276	873.333.743
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14.800.740.105	86.195.631
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	26.2	995.015.078	995.015.078
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	1.863.596.954	2.586.707.513
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		148.002.600.387	175.604.939.831
220	I. Tài sản cố định		71.893.440.512	18.011.526.993
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	56.813.521.117	17.995.526.993
222	Nguyên giá		122.819.657.521	37.480.714.139
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(66.006.136.404)	(19.485.187.146)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	15.079.919.395	16.000.000
228	Nguyên giá		16.593.006.576	104.197.649
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(1.513.087.181)	(88.197.649)

B01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	14.313.522.748	149.866.168.254
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		10.457.079.172	140.982.005.906
258	2. Đầu tư dài hạn khác		4.698.000.000	9.698.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(841.556.424)	(813.837.652)
260	III. Tài sản dài hạn khác		39.475.550.077	2.829.664.938
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	38.647.428.673	808.106.998
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	26.3	481.140.356	1.763.368.292
268	3. Tài sản dài hạn khác		346.981.048	258.189.648
269	IV. Lợi thế thương mại	15	22.320.087.050	4.897.579.646
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.068.718.906.662	369.299.041.102

Đơn vị: VNĐ

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		362.532.758.463	41.109.179.067
310	I. Nợ ngắn hạn		360.213.279.963	40.873.449.767
311	1. Vay ngắn hạn	16	238.712.408.260	-
312	2. Phải trả người bán		13.881.958.436	4.349.497.899
313	3. Người mua trả tiền trước		67.189.519	99.276.387
314	4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	17	11.400.800.892	5.508.266.663
315	5. Phải trả người lao động		50.796.098.552	24.946.402.511
316	6. Chi phí phải trả		482.990.154	155.868.626
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	38.932.272.156	1.976.397.442
320	8. Dự phòng phải trả		-	124.806.879
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.939.561.994	3.712.933.360
330	II. Nợ dài hạn		2.319.478.500	235.729.300
333	1. Phải trả dài hạn khác	19	2.319.478.500	235.729.300
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		517.874.042.604	326.355.998.094
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	517.874.042.604	326.355.998.094
411	1. Vốn cổ phần	20.2	200.500.000.000	115.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		226.238.904.236	108.518.904.236
417	3. Quỹ đầu tư và phát triển		6.836.132.890	6.905.188.560
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		6.838.079.746	6.944.978.901
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		77.460.925.732	88.486.926.397
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	21	188.312.105.595	1.833.863.941
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.068.718.906.662	369.299.041.102

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B01-DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nợ khó đòi đã xử lý	90.730.000	90.730.000
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (US\$)	671.213	187,81
Euro (EUR)	143.075	50,99

Bùi Xuân Tường
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B02-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	625.911.603.730	283.708.522.993
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(8.323.082.748)	-
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		617.588.520.982	283.708.522.993
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(485.104.893.154)	(226.141.847.856)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		132.483.627.828	57.566.675.137
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	28.898.398.018	25.121.376.065
22	7. Chi phí tài chính	24	(3.488.092.091)	(14.381.948.941)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.909.633.036)	-
24	8. Chi phí bán hàng		(24.253.665.288)	(4.287.766.320)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(49.665.940.460)	(29.544.608.012)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		83.974.328.007	34.473.727.929
31	11. Thu nhập khác		1.882.664.742	402.062.181
32	12. Chi phí khác		(1.480.303.851)	(98.871.489)
40	13. Lợi nhuận khác		402.360.891	303.190.692
45	14. Phần (lỗ) lợi nhuận từ các công ty liên kết		(42.269.926.734)	53.772.379.138
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		42.106.762.164	88.549.297.759
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(19.463.959.552)	(8.447.929.631)
52	17. (Chi phí) Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	26.3	(1.282.227.936)	1.277.186.325
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		21.360.574.676	81.378.554.453
	Trong đó:			
61	18.1 Lợi ích của các cổ đông thiểu số		23.375.375.644	453.752.485
62	18.2 Phần thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		(2.014.800.968)	80.924.801.968
70	19. (Lỗ) lãi trên cổ phiếu			
	Lãi cơ bản và lãi suy giảm	20.4	(112)	7.324

Bùi Xuân Tường
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B03-DN/HN

B03-DN/HN

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		42.106.762.164	88.549.297.759
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và khấu trừ		14.763.107.892	5.387.973.389
03	Các khoản dự phòng		24.069.105.454	8.094.435.719
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	22.2	(990.436.255)	(13.805.218)
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		10.853.595.184	(70.330.710.814)
06	Chi phí lãi vay	24	1.909.633.036	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		92.711.767.475	31.687.190.835
09	Giảm các khoản phải thu		15.127.555.142	33.715.601.032
10	Giảm hàng tồn kho		8.939.559.591	2.567.315.895
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		67.874.926.306	(4.401.015.349)
12	Giảm chi phí trả trước		4.626.098.731	790.733.760
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.700.142.882)	-
14	Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(14.516.152.511)	(7.074.437.050)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.426.325.234
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.337.227.405)	(6.537.473.166)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		164.726.384.448	53.174.281.191
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(18.456.653.501)	(1.546.985.784)
23	Tiền chi mua cổ phiếu của các đơn vị khác		(647.154.787.528)	(117.778.667.154)
24	Tiền thu hồi bán lại cổ phiếu của đơn vị khác		434.608.363.291	115.396.447.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(206.934.660.852)	(79.709.626.768)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.500.000.000	-
27	Tiền lãi và lợi nhuận được chia		23.759.761.074	17.059.348.851
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(401.677.977.516)	(66.579.483.855)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		202.720.000.000	17.174.104.956
33	Tiền vay nhận được		446.434.007.415	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(273.061.818.699)	-
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ		-	(22.095.370.000)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông thiểu số	21	(17.609.070.514)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		358.483.118.202	(4.921.265.044)
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		121.531.525.134	(18.326.467.708)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		49.860.270.524	68.186.738.232
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		60.238.384	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	171.452.034.042	49.860.270.524

Bùi Xuân Tường

Bùi Xuân Tường
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Trần Anh Phương

Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và cung cấp dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 4.920 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.907).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty có 3 công ty con trực tiếp sau:

◆ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5503000010 do SKHĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 25 tháng 12 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính đặt tại Xã Tân Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty nắm 54,6% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

◆ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Xuyên Thái Bình

Công ty này là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309493985 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp các dịch vụ vệ sinh và dịch vụ bảo trì, thi công cảnh quan đô thị và các dịch vụ hỗ trợ quản lý khác.

◆ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Liên Thái Bình

Công ty này là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100230134 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, số 1C Đường Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư, vệ sinh và thương mại.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ◆ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ◆ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ◆ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ◆ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ◆ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	◆ Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	◆ Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	43 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (Tiếp theo)

nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại nếu có được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi khấu trừ lũy kế. Lợi thế thương mại nếu có được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là 10 năm. Nếu chi phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại nếu có phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian tối đa là 10 năm. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữ niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cân trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.11 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

3.12 Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

◆ Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

◆ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

◆ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ◆ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ◆ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ◆ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ◆ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.19 Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp theo)

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.20 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; các khoản cho vay và phải thu; các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Công cụ tài chính – giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nêu, và chỉ nêu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Mua Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (“ABT”)

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2013, Tập đoàn đã mua thêm 5.783.308 cổ phiếu của ABT làm gia tăng lợi ích của Công ty trong công ty này từ 0,37% lên 54,6%. Theo đó, giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của ABT tại ngày mua được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

GIÁ TRỊ HỢP LÝ TẠM THỜI GHI NHẬN TẠI NGÀY MUA

Tài sản	518.508.174.297
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.687.506.384
Các khoản phải thu	103.346.722.464
Hàng tồn kho	101.916.953.964
Tài sản ngắn hạn khác	187.435.360.517
Tài sản cố định	36.261.502.245
Quyền sử dụng đất	6.618.070.501
Tài sản dài hạn khác	39.242.058.222
Nợ phải trả	(98.697.198.164)
Cổ tức nhận được từ lợi nhuận trước khi mua	(15.151.907.705)
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	404.659.068.428
Lợi ích cổ đông thiểu số (45.4%)	(183.702.101.031)
Tổng tài sản thuần được mua	220.956.967.397
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 15)	23.702.747.310
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	244.659.714.707

Các số liệu kế toán ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên trị hợp lý tạm tính do Công ty vẫn chưa hoàn thành việc định giá các tài sản cố định, quyền sử dụng đất và tài sản vô hình khác của ABT vào ngày mà Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	784.810.915	713.693.734
Tiền gửi ngân hàng	57.147.490.630	13.443.746.002
Các khoản tương đương tiền	113.519.732.497	35.702.830.788
TỔNG CỘNG	171.452.034.042	49.860.270.524

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất áp dụng.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Tập đoàn đã cầm cố khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu – Chi nhánh Mỹ Tho và tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Bên thứ ba	91.538.983.596	39.797.955.858
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	193.320.798	117.446.673
TỔNG CỘNG	91.732.304.394	39.915.402.531
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(724.331.380)	(137.464.907)
PHẢI THU THUẦN	91.007.973.014	39.777.937.624

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	50.130.000.000	50.212.350.351
Bên thứ ba	3.172.610.913	922.498.081
Tổng cộng	53.302.610.913	51.134.848.432

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Lãi tiền gửi dự thu	7.724.138.901	75.234.229
Bảo hiểm xã hội và y tế	88.295.274	-
Các khoản phải thu khác	1.117.271.746	341.197.244
TỔNG CỘNG	8.929.705.921	416.431.473

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thành phẩm	50.710.766.874	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.760.233.468	-
Nguyên vật liệu	10.180.294.322	3.061.093.764
Công cụ và dụng cụ	2.212.815.896	750.998.594
Hàng mua đang đi đường	374.695.200	-
Hàng hóa	-	6.583.106.514
TỔNG CỘNG	108.238.805.760	10.395.198.872
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.172.136.475)	(124.670.518)
GIÁ TRỊ THUẦN	94.066.669.285	10.270.528.354

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị: VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	124.670.518	306.005.978
Cộng:		
Tăng do mua công ty con	15.699.301.664	-
Trừ:		
- Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.527.165.189)	(181.335.460)
- Giảm do thanh lý công ty con	(124.670.518)	-
Số cuối năm	14.172.136.475	124.670.518

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ký quỹ ngắn hạn	1.115.582.880	1.845.727.400
Tạm ứng cho nhân viên	403.739.827	740.507.295
Khác	344.274.247	472.818
TỔNG CỘNG	1.863.596.954	2.586.707.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	NHÀ CỬA VÀ VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	TỔNG CỘNG
Nguyên giá:					
Số đầu năm	14.355.899.499	17.607.521.363	4.220.709.449	1.296.583.828	37.480.714.139
Tăng do mua công ty con	23.751.706.361	56.648.649.587	4.101.754.589	1.620.804.865	86.122.915.402
Mua mới trong năm	-	9.488.135.274	251.818.182	244.054.545	9.984.008.001
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.038.045.471	-	-	3.038.045.471
Thanh lý	-	(3.005.086.363)	-	(263.862.700)	(3.268.949.063)
Giảm khác (*)	(691.588.335)	(8.118.340.667)	(316.084.344)	(1.376.063.083)	(10.502.076.429)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	(35.000.000)	(35.000.000)
Số cuối năm	37.416.017.525	75.658.924.665	8.258.197.876	1.486.517.455	122.819.657.521
Trong đó:					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>830.786.404</i>	<i>18.485.542.008</i>	<i>1.462.158.443</i>	<i>1.256.845.820</i>	<i>22.035.332.675</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	4.757.028.328	11.261.985.592	2.467.989.651	998.183.575	19.485.187.146
Tăng do mua công ty con	9.527.491.743	36.079.331.705	3.057.207.090	1.426.342.133	50.090.372.671
Khấu hao trong năm	1.835.097.668	5.351.216.407	911.555.630	142.242.161	8.240.111.866
Thanh lý	-	(2.508.471.304)	-	(263.862.700)	(2.772.334.004)
Giảm khác (*)	(661.694.116)	(6.904.449.732)	(316.084.342)	(1.134.556.422)	(9.016.784.612)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	(20.416.663)	(20.416.663)
Số cuối năm	15.457.923.623	43.279.612.666	6.120.668.029	1.147.932.086	66.006.136.404
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	9.598.871.171	6.345.535.771	1.752.719.798	298.400.253	17.995.526.993
Số cuối năm	21.958.093.902	32.379.311.999	2.137.529.847	338.585.369	56.813.521.117

(*) Trong đó, Tập đoàn đã chuyển những tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình này sang chi phí trả trước theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Tập đoàn đã cầm cố nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá:				
Số đầu năm	-	104.197.649	-	104.197.649
Tăng do mua công ty con	7.503.651.000	439.602.300	134.851.488	8.078.104.788
Mua mới trong năm	8.472.645.500	-	-	8.472.645.500
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	-	(61.941.361)	-	(61.941.361)
Số cuối năm	15.976.296.500	481.858.588	134.851.488	16.593.006.576
Trong đó:				
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>-</i>	<i>42.256.288</i>	<i>134.851.488</i>	<i>177.107.776</i>
Khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	-	88.197.649	-	88.197.649
Tăng do mua công ty con	885.580.499	210.642.786	134.851.488	1.231.074.773
Khấu hao trong năm	207.701.783	35.054.337	-	242.756.120
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	-	(48.941.361)	-	(48.941.361)
Số cuối năm	1.093.282.282	284.953.411	134.851.488	1.513.087.181
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	-	16.000.000	-	16.000.000
Số cuối năm	14.883.014.218	196.905.177	-	15.079.919.395

(*) Trong năm, Tập đoàn đã chuyển những tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình này sang chi phí trả trước theo Thông tư số 45.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Tập đoàn đã cầm cố quyền sử dụng đất để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)		
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	345.596.734.194	50.117.189.303
Tiền gửi có kỳ hạn	201.218.918.200	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(64.189.291.707)	(12.424.356.404)
GIÁ TRỊ THUẦN	482.626.360.687	37.692.832.899
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	10.457.079.172	140.982.005.906
Đầu tư dài hạn khác (thuyết minh số 13.3)	4.698.000.000	9.698.000.000
TỔNG CỘNG	15.155.079.172	150.680.005.906
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác (Thuyết minh số 13.3)	(841.556.424)	(813.837.652)
GIÁ TRỊ THUẦN	14.313.522.748	149.866.168.254

13.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ VNĐ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ VNĐ
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang	5.200.000	166.821.112.806	-	-
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	1.432.910	109.576.158.062	-	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	138.860	19.170.252.315	-	-
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	1.440.680	14.577.109.106	-	-
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	766.510	13.510.387.474	-	-

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ VNĐ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ VNĐ
Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long	418.467	7.827.916.785	92.400	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	450.320	6.067.767.234	-	-
Công ty Cổ phần Hùng Vương	201.370	5.089.948.046	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	400.000	2.623.930.210	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An	6	60.000	150.000	2.256.746.982
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre,	-	-	500.000	19.630.201.015
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sản xuất Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Bình Thạnh	-	-	500.000	15.383.480.728
Công ty Cổ phần Đại Nam	-	-	47.000	4.700.000.000
Công ty Cổ phần Long Hậu	-	-	102.000	4.645.889.422
Khác		332.092.156		871.156
TỔNG CỘNG		345.596.734.194		50.117.189.303
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(64.189.291.707)		(12.424.356.404)
GIÁ TRỊ THUẦN		281.407.442.487		37.692.832.899

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc trên ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất áp dụng.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Tập đoàn đã cầm cố khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Chi nhánh Bến Tre để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	TỶ LỆ SỞ HỮU	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	TỶ LỆ SỞ HỮU
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty Cổ phần Cơ Điện Môi trường LILAMA	10.457.079.172	21,15	7.500.000.000	21,4
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang	-		79.709.626.768	20,2
	10.457.079.172		87.209.626.768	

Công ty Cổ phần Cơ Điện và Môi trường LILAMA (“LILAMA”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 6503000020 do Ban Quản lý Kinh tế Dung Quất cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở tại Khu Dịch vụ Công cộng, Khu Kinh tế Dung Quất, Xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (“AGF”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1600583588 do SKHĐT Tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 5 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 1234 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 33, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào AGF. Theo đó, khoản đầu tư vào AGF đã được phân loại thành khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Thuyết minh số 13.1).

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày như sau:

	VNĐ		
	AGF	LILAMA	TỔNG CỘNG
Giá trị đầu tư:			
Số đầu năm	79.709.626.768	7.500.000.000	87.209.626.768
Tăng trong năm	31.200.000.000	-	31.200.000.000
Chuyển sang đầu tư ngắn hạn	(110.909.626.768)	-	(110.909.626.768)
Số cuối năm	-	7.500.000.000	7.500.000.000

Phân lỹ kê lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:

	VNĐ		
	AGF	LILAMA	TỔNG CỘNG
Số đầu năm	53.772.379.138	-	53.772.379.138
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	4.739.106.900	3.332.079.172	8.071.186.072
Cổ tức được chia trong năm	(2.600.000.000)	(375.000.000)	(2.975.000.000)
Chuyển sang đầu tư ngắn hạn	(55.911.486.038)	-	(55.911.486.038)
Số cuối năm	-	2.957.079.172	2.957.079.172
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	133.482.005.906	7.500.000.000	140.982.005.906
Số cuối năm	-	10.457.079.172	10.457.079.172

13.3 Đầu tư dài hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
	VNĐ		%	VNĐ		%
Công ty Cổ phần Việt Tín	4.698.000.000	4.698	11,2	4.698.000.000	4.698	11,2
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Chứng khoán Sài Gòn	-	-	-	5.000.000.000	500.000	5
TỔNG CỘNG	4.698.000.000			9.698.000.000		
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(841.556.424)			(813.837.652)		
GIÁ TRỊ THUẦN	3.856.443.576			8.884.162.348		

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí vùng nuôi và các chi phí liên quan	35.829.302.549	-
Công cụ, dụng cụ	2.818.126.124	808.106.998
TỔNG CỘNG	38.647.428.673	808.106.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

15. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

VNĐ

LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Nguyên giá:	
Số đầu năm	13.008.319.600
Phát sinh từ hợp nhất (Thuyết minh số 4)	23.702.747.310
Số cuối năm	36.711.066.910
Phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	8.110.739.954
Phân bổ trong năm	6.280.239.906
Số cuối năm	14.390.979.860
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.897.579.646
Số cuối năm	22.320.087.050

16. VAY NGẮN HẠN

VNĐ

SỐ CUỐI NĂM SỐ ĐẦU NĂM

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay ngắn hạn ngân hàng	238.712.408.260	-

Tập đoàn thực hiện các khoản vay này để tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày như sau:

VNĐ

NGÂN HÀNG	SỐ CUỐI NĂM VNĐ	KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI	LÃI SUẤT % / NĂM	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	146.251.016.799	3 tháng	3	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre	75.906.000.000	3 tháng	2 -2,8	Tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Chi nhánh Bến Tre và Ngân hàng Exim-bank – Chi nhánh Mỹ Tho
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre	7.055.391.461	7 tháng	Thả nổi	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	9.500.000.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2014	8,45	Tất cả tiền gửi của Công ty tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
TỔNG CỘNG	238.712.408.260			

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.2)	8.472.298.936	2.678.499.782
Thuê giá trị gia tăng	2.118.356.945	2.694.861.144
Thuế thu nhập cá nhân	268.704.144	134.905.737
Các loại thuế khác	541.440.867	-
TỔNG CỘNG	11.400.800.892	5.508.266.663

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nhận ký quỹ	31.200.000.000	-
Phải trả tiền mua chứng khoán	3.633.110.384	-
Bảo hiểm xã hội, y tế và kinh phí công đoàn	2.265.136.406	1.261.114.965
Bảo hiểm thất nghiệp	67.189.381	-
Cổ tức phải trả	11.918.200	184.630.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	510.212.009
Khác	1.754.917.785	20.440.468
TỔNG CỘNG	38.932.272.156	1.976.397.442

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.191.966.500	-
Nhận ký quỹ dài hạn	127.512.000	235.729.300
TỔNG CỘNG	2.319.478.500	235.729.300
Trong đó:		
Bên thứ ba	1.637.684.450	-
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	78.262.800	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	VỐN CỔ PHẦN ĐÃ PHÁT HÀNH	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CỔ PHIẾU QUỸ	QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	TỔNG CỘNG
<i>VNĐ</i>							
Năm trước							
Số đầu năm	115.500.000.000	108.248.900.000	(16.904.100.720)	6.905.188.560	6.944.978.901	33.150.656.891	253.845.623.632
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	80.924.801.968	80.924.801.968
Bán cổ phiếu quỹ	-	270.004.236	16.904.100.720	-	-	-	17.174.104.956
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(22.100.000.000)	(22.100.000.000)
Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng	-	-	-	-	-	(2.756.989.962)	(2.756.989.962)
Khác	-	-	-	-	-	(731.542.500)	(731.542.500)
Số cuối năm	115.500.000.000	108.518.904.236	-	6.905.188.560	6.944.978.901	88.486.926.397	326.355.998.094
Năm nay							
Số đầu năm	115.500.000.000	108.518.904.236	-	6.905.188.560	6.944.978.901	88.486.926.397	326.355.998.094
Tăng vốn trong năm (*)	85.000.000.000	117.720.000.000	-	-	-	-	202.720.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(2.014.800.968)	(2.014.800.968)
Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng	-	-	-	-	-	(6.609.721.955)	(6.609.721.955)
Trích khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(610.000.000)	(610.000.000)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	(69.055.670)	(106.899.155)	-	(175.954.825)
Khác	-	-	-	-	-	(1.791.477.742)	(1.791.477.742)
Số cuối năm	200.500.000.000	226.238.904.236	-	6.836.132.890	6.838.079.746	77.460.925.732	517.874.042.604

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành 8.500.000 cổ phiếu mới cho các nhà đầu tư chiến lược để tăng vốn điều lệ Công ty lên 200.500.000.000 VNĐ theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Bất thường số 2-12/2012/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 7 tháng 12 năm 2012. Việc phát hành cổ phiếu được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp GCNĐKKD điều chỉnh ngày 5 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VNĐ	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	115.500.000.000	115.500.000.000
Tăng trong năm	85.000.000.000	-
Số cuối năm	200.500.000.000	115.500.000.000
Cổ tức		
Cổ tức trả bằng tiền	-	22.095.370.000
Cổ tức chưa chi trả	-	4.630.000

20.3 Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ VNĐ	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ VNĐ
Cổ phiếu đã được duyệt	20.050.000	200.500.000.000	11.550.000	115.500.000.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	20.050.000	200.500.000.000	11.550.000	115.500.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.050.000	200.500.000.000	11.550.000	115.500.000.000

20.4 (Lỗ) lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VNĐ)	(2.014.800.968)	80.924.801.968
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	18.023.410	11.049.834
(Lỗ) lãi trên cổ phiếu (VNĐ)		
Lãi cơ bản và lãi suy giảm	(112)	7.324

21. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	VNĐ
	SỐ TIỀN
Số đầu năm	1.833.863.941
Thay đổi trong năm	
Mua công ty con	183.702.101.031
Tăng vốn góp	800.000.000
Cổ tức công bố	(17.609.070.514)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(29.821.889)
Lợi nhuận thuần trong năm	23.375.375.644
Thanh lý công ty con	(2.270.920.360)
Giảm khác	(1.489.422.258)
Số cuối năm	188.312.105.595

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng doanh thu	625.911.603.730	283.708.522.993
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	305.196.851.594	266.786.708.853
Doanh thu bán thành phẩm	302.758.238.605	-
Doanh thu bán hàng hóa	17.505.863.046	16.921.814.140
Cho thuê	450.650.485	-
Giảm trừ	(8.323.082.748)	-
Hàng bán bị trả lại	(8.323.082.748)	-
Doanh thu thuần	617.588.520.982	283.708.522.993
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	305.196.851.594	266.786.708.853
Doanh thu bán thành phẩm	294.435.155.857	-
Doanh thu bán hàng hóa	17.505.863.046	16.921.814.140
Cho thuê	450.650.485	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi ngân hàng	20.784.761.074	10.715.406.940
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.173.819.581	35.101.967
Thu nhập từ thanh lý trái phiếu và cổ phiếu	2.075.952.241	1.258.208.059
Cổ tức được chia	1.713.629.000	4.885.343.400
Lãi từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh số 27)	1.159.799.867	8.213.510.481
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	990.436.255	13.805.218
TỔNG CỘNG	28.898.398.018	25.121.376.065

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn cung cấp dịch vụ	244.848.615.441	216.671.171.711
Giá vốn của thành phẩm đã bán	233.807.054.311	-
Giá vốn hàng hóa đã bán	7.976.388.591	9.652.011.605
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.527.165.189)	(181.335.460)
TỔNG CỘNG	485.104.893.154	226.141.847.856

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lỗ đầu tư chứng khoán	18.848.126.004	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.529.244.113	16.666.161
Chi phí hoạt động hợp tác đầu tư (Thuyết minh số 27)	2.375.015.866	5.980.022.025
Chi phí lãi vay	1.909.633.036	-
Chi phí hoa hồng và môi giới	1.901.504.245	-
Lãi trả chậm	643.715.030	113.275.243
Chi phí khác	761.856	-
(Hoàn nhập dự phòng) trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(24.719.908.059)	8.271.985.512
TỔNG CỘNG	3.488.092.091	14.381.948.941

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân công	176.498.356.093	18.445.360.200
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	217.785.124.383	994.415.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.049.219.240	7.590.345.293
Chi phí khấu hao và khấu trừ (Thuyết minh số 11 và 12)	8.482.867.986	3.128.190.644
Chi phí khác	12.713.664.930	3.674.062.447
TỔNG CỘNG	417.529.232.632	33.832.374.332

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.463.959.552	8.447.929.631
Chi phí (lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	1.282.227.936	(1.277.186.325)
TỔNG CỘNG	20.746.187.488	7.170.743.306

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành (Tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận thuần trước thuế	42.106.762.164	88.549.297.759
Các điều chỉnh:		
Dự phòng giảm giá đầu tư	(4.672.281.228)	5.332.502.192
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.034.500.000	-
Chi phí không được khấu trừ	2.245.317.858	58.879.269
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	202.313.653	-
Thu nhập cổ tức	(1.713.629.000)	(4.885.343.400)
Ảnh hưởng do hợp nhất	59.033.262.304	(52.866.253.978)
<i>Phần (lỗ) lãi từ công ty liên kết</i>	<i>42.269.926.734</i>	<i>(53.772.379.138)</i>
<i>Lỗi chưa sử dụng</i>	<i>10.439.360.537</i>	<i>-</i>
<i>Phân bổ lợi thế thương mại</i>	<i>6.280.239.906</i>	<i>1.300.831.960</i>
<i>Lỗi do thanh lý công ty con</i>	<i>907.726.617</i>	<i>-</i>
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	<i>(1.518.892.493)</i>	<i>(394.706.800)</i>
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	98.581.344.748	36.189.081.842
Trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế với thuế suất 25%</i>	<i>61.814.634.515</i>	<i>36.189.081.842</i>
<i>Thu nhập chịu thuế với thuế suất 10%</i>	<i>36.766.710.233</i>	<i>-</i>
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	19.130.329.652	9.047.270.461
Ưu đãi thuế TNDN	-	(617.105.860)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	333.629.899	17.765.030
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành sau điều chỉnh	19.463.959.552	8.447.929.631
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.683.484.704	309.992.123
Tăng thuế TNDN phải trả từ hợp nhất	1.483.311.342	-
Giảm thuế TNDN phải trả do thanh lý công ty con	(637.319.229)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(14.516.152.511)	(7.074.437.050)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	7.477.283.857	1.683.484.704
Trong đó		
<i>Thuế TNDN phải trả</i>	<i>8.472.298.935</i>	<i>2.678.499.782</i>
<i>Thuế TNDN phải thu</i>	<i>(995.015.078)</i>	<i>(995.015.078)</i>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	384.908.879	(384.908.879)	(101.273.088)
Trợ cấp thôi việc	270.751.250	-	270.751.250	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	210.389.106	1.378.459.413	(1.168.070.307)	1.378.459.413
	481.140.356	1.763.368.292		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(1.282.227.936)	1.277.186.325

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	VNĐ
			SỐ TIỀN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Đầu tư hợp tác	108.000.000.000
		Góp vốn	40.800.000.000
		Phí tư vấn và phát hành chứng khoán	3.219.700.000
		Lãi từ đầu tư hợp tác	1.159.799.867
		Chi phí thuê văn phòng	427.153.975
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông lớn	Góp vốn	19.200.000.000
		Chi phí thuê văn phòng	515.637.823
		Đặt cọc thuê văn phòng	108.591.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Sunway	Cổ đông lớn	Đầu tư hợp tác	140.401.493.013
		Mua trái phiếu	35.000.000.000
		Góp vốn	24.000.000.000
		Chi phí hợp tác đầu tư	2.375.015.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (Tiếp theo)

Công ty TNHH Nguyễn Sài Gòn	Cổ đông lớn	Góp vốn	12.000.000.000
Quý đầu tư Populus	Cổ đông lớn	Góp vốn	48.000.000.000
Ông Michael Louis Rosen	Tổng giám đốc	Góp vốn	18.000.000.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Cổ đông	Phí thuê văn phòng	541.612.000
An Giang Fisheries Import & Export Joint Stock Company	Công ty liên kết	Tặng vốn góp	31.200.000.000
		Cổ tức nhận được	2.600.000.000
LILAMA Electrics, Mechanics & Environment Corporation	Công ty liên kết	Cổ tức	375.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	PHẢI THU (PHẢI TRẢ)
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Phí dịch vụ vệ sinh và thuê văn phòng	141,622,492
Công ty Cổ phần Đầu tư Sunway	Cổ đông lớn	Phí dịch vụ vệ sinh	51,698,306
			193,320,798
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Đặt cọc mua chứng khoán	50.100.000.000
		Phí tư vấn	30.000.000
			50.130.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn			
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên Hội đồng Quản trị	Ký cược thuê văn phòng	(79.200.000)
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông lớn	Ký cược thuê văn phòng	(108.591.400)
			(187.791.400)
Phải trả dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Ký cược thuê văn phòng	(78.262.800) (78.262.800)

B09-DN/HN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

VND

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tiền lương	4.403.706.797	2.830.629.890
Tiền thưởng	290.000.000	404.063.172
TỔNG CỘNG	4.693.706.797	3.234.693.062

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm dịch vụ và thương mại do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm dịch vụ hàng hóa do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ thị trường khác nhau.

28.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

VND

	THỦY SẢN	DỊCH VỤ VỆ SINH	THƯƠNG MẠI	LOẠI TRỪ	TỔNG CỘNG
Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	294.435.155.857	306.004.002.079	17.149.363.046		617.588.520.982
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận		38.727.574.632	7.897.499.906	(46.625.074.538)	-
Tổng doanh thu	294.435.155.857	344.731.576.711	25.046.862.952	(46.625.074.538)	617.588.520.982
Kết quả					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	59.670.613.308	57.453.600.786	2.518.002.115	(77.535.454.045)	42.106.762.164
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.604.269.443)	(10.507.155.920)	(634.762.125)		(20.746.187.488)
Lợi nhuận thuần sau thuế	50.066.343.865	46.946.444.866	1.883.239.990	(77.535.454.045)	21.360.574.676
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	687.788.156.045	675.832.353.785		(295.382.743.524)	1.068.237.766.306
Tài sản không phân bổ					481.140.356
Tổng tài sản	687.788.156.045	675.832.353.785	-	(295.382.743.524)	1.068.718.906.662
Tổng cộng công nợ	273.455.307.903	112.019.377.029		(22.941.926.469)	362.532.758.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

28.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

	THỦY SẢN	DỊCH VỤ VỆ SINH	THƯƠNG MẠI	LOẠI TRỪ	TỔNG CỘNG
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí hình thành tài sản cố định					
Tài sản cố định hữu hình	9.739.953.456	3.282.100.016	-	-	13.022.053.472
Tài sản cố định vô hình	8.472.645.500	-	-	-	8.472.645.500
Khấu hao	(3.743.322.427)	(4.739.545.559)	-	-	(8.482.867.986)
Phân bổ chi phí trả trước	(998.598.887)	(5.666.213.103)	(127.851.523)	-	(6.792.663.513)

VND

	DỊCH VỤ VỆ SINH	THƯƠNG MẠI	LOẠI TRỪ	TỔNG CỘNG
Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	266.786.708.853	16.921.814.140	-	283.708.522.993
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	40.472.571.751	3.725.566.087	(44.198.137.838)	-
Tổng doanh thu	307.259.280.604	20.647.380.227	(44.198.137.838)	283.708.522.993
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	86.294.505.942	2.254.791.817	-	88.549.297.759
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.170.743.306)	-	-	(7.170.743.306)
Lợi nhuận thuần sau thuế	79.123.762.636	2.254.791.817	-	81.378.554.453
Tài sản và công nợ				
Tổng cộng tài sản	366.320.169.879	14.315.882.055	(11.337.010.832)	369.299.041.102
Tổng cộng công nợ	54.112.714.271	3.795.410.798	(16.798.946.002)	41.109.179.067
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	1.528.985.785	-	-	1.528.985.785
Tài sản cố định vô hình	180.000.000	-	-	180.000.000
Khấu hao	(4.087.141.429)	-	-	(4.087.141.429)
Phân bổ chi phí trả trước	(4.610.785.732)	(1.783.891.667)	-	(6.394.677.399)

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

28.29 Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

VND

	DOANH THU XUẤT KHẨU	DOANH THU TRONG NƯỚC	LOẠI TRỪ	TỔNG CỘNG
Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	269.141.148.603	348.447.372.379	-	617.588.520.982
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	46.625.074.538	(46.625.074.538)	-
Tổng doanh thu				617.588.520.982
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản không phân bổ	688.269.296.401	380.449.610.261	-	1.068.718.906.662
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	9.739.953.456	3.282.100.016	-	13.022.053.472
Tài sản cố định vô hình	8.472.645.500	-	-	8.472.645.500
Vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	-	283.708.522.993	-	283.708.522.993
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	44.198.137.838	(44.198.137.838)	-
Tổng doanh thu				283.708.522.993
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản không phân bổ	-	369.299.041.102	-	369.299.041.102
Chi phí hình thành tài sản cố định				
Tài sản cố định hữu hình	-	4.084.519.878	-	4.084.519.878

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Dưới 1 năm	4.986.225.958	864.000.000
Từ 1 đến 5 năm	4.739.111.329	2.826.000.000
Trên 5 năm	7.192.500.000	8.106.000.000
TỔNG CỘNG	16.917.837.287	11.796.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn cũng nắm giữ các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

- ◆ Độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ◆ Độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo là không đáng kể do các khoản vay đều là khoản vay ngắn hạn với lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

doanh của Tập đoàn (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kê toán của Tập đoàn).

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kê toán của Tập đoàn như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biên số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá Đô la Mỹ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

	THAY ĐỔI TỶ GIÁ ĐÔ LA MỸ	ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
	%	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
	2	(4.077.421.300)
	-2	4.077.421.300
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	-	-

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết của Tập đoàn là 283.091.054.716 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 37.692.832.899). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 28.309.105.472 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.757.013.879 VND), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 28.309.105.472 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 267.405.424 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu khách hàng sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

	VNĐ				
	TỔNG CỘNG	KHÔNG QUÁ HẠN VÀ KHÔNG BỊ SUY GIẢM	QUÁ HẠN NHƯNG KHÔNG BỊ SUY GIẢM		
			DƯỚI 6 THÁNG	6 THÁNG ĐẾN DƯỚI 1 NĂM	TRÊN 1 NĂM
Số đầu năm	273.478.800.998	270.375.252.019	2.953.124.900	-	150.424.079
Số cuối năm	39.915.402.531	39.714.419.624	63.518.000	-	137.464.907

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VNĐ	
	DƯỚI 1 NĂM	
Số cuối năm		
Các khoản vay	238.712.408.260	
Phải trả người bán	13.881.958.436	
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	39.415.262.310	
	292.009.629.006	
Số đầu năm		
Phải trả người bán	4.349.497.899	
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	2.132.266.068	
	6.481.763.967	

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng khoản tiền gửi ngắn hạn ngân hàng, nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh số 16).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	VNĐ			
	GIÁ TRỊ GHI SỔ		GIÁ TRỊ HỢP LÝ	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ	DỰ PHÒNG
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh				
Cổ phiếu niêm yết	345.379.684.194	(63.972.241.707)	45.417.189.303	(7.724.356.404)
Cổ phiếu chưa niêm yết	217.050.000	(217.050.000)	21.898.000.000	(5.513.837.652)
Tiền gửi ngắn hạn và dài hạn	201.218.918.200	-	-	-
Phải thu khách hàng	91.538.983.596	(724.331.380)	39.797.955.859	-
Phải thu từ các bên liên quan	193.320.798	-	117.446.672	-
Các khoản phải thu khác	8.929.705.921	-	2.520.348.521	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	171.452.034.042	-	49.860.270.524	-
TỔNG CỘNG	818.929.696.751	(64.913.623.087)	159.611.210.879	(13.238.194.056)
	753.931.447.454		146.373.016.823	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VÀO NGÀY VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

B09-DN/HN

B09-DN/HN

	GIÁ TRỊ GHI SỔ		GIÁ TRỊ HỢP LÝ	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
VNĐ				
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	238.712.408.260	-	238.712.408.260	-
Phải trả người bán	13.881.958.436	4.349.497.899	13.881.958.436	4.349.497.899
Phải trả ngắn hạn khác	39.542.774.310	2.132.266.068	39.542.774.310	2.132.266.068
TỔNG CỘNG	292.137.141.006	6.481.763.967	292.137.141.006	6.481.763.967

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ♦ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ♦ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ♦ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

32. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay, cụ thể như sau:

	31 THÁNG 12 NĂM 2012		31 THÁNG 12 NĂM 2012	
	(Đã được trình bày trước đây)	TRÌNH BÀY LẠI	(Được trình bày lại)	
VNĐ				
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Đầu tư vào công ty liên kết	133.482.005.906	7.500.000.000		140.982.005.906
Đầu tư dài hạn khác	17.198.000.000	(7.500.000.000)		9.698.000.000
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (được trình bày lại)	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Giảm các khoản phải thu	31.333.380.878	2.382.220.154		33.715.601.032
Tiền chi để mua cổ phiếu của đơn vị khác	-	(117.778.667.154)		(117.778.667.154)
Tiền thu hồi bán lại cổ phiếu của đơn vị khác	-	115.396.447.000		115.396.447.000

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào tháng 1 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý toàn bộ khoản đầu tư tại AGF theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20-12/2013/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2013.

Vào ngày 16 tháng 1 năm 2014, Công ty đã đệ trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu mới và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được hồ sơ ngày vào ngày 11 tháng 2 năm 2014. Theo đó, Công ty đăng ký phát hành mới 20.312.500 cổ phiếu cho cổ đông mới và cổ đông hiện hữu. Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 18 tháng 3 năm 2013, với tổng số cổ phiếu được phát hành thêm là 20.312.500. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 200.500.000.000 VNĐ lên 403.625.000.000 VNĐ.

Ngoại trừ các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Bùi Xuân Tường
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Phó Tổng Giám đốc



THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (GCNĐKKD) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (SGDCKHCM) theo Giấy phép số 244//2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ liên quan khác, hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, và thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng, Việt Nam.

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Trần Đình Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2013 Từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Bùi Văn Trường	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Tạ Thị Ngũ Linh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Bùi Thanh Vân	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Khải	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2013
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2013
Bà Hà Thị Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Văn Khải được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn **Ernst & Young Việt Nam** là công ty kiểm toán của Công ty.

Hội Đồng Quản Trị / Ban Kiểm Soát

- Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát được trình bày chi tiết tại mục Cơ Cấu Tổ Chức.
- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc và nhân viên Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CHỨNG CHỈ QTCT	NGÀY CẬP
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc Pan Services	22 QTCT 123/QĐ-TTNC	29/01/2010

Phụ lục 1: Giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan

Giao dịch cổ phiếu:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/CỔ ĐÔNG LỚN	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG GIẢM (mua, bán, thưởng, chuyển đổi,...)
			CP	%	CP	%	
1	Công ty TNHH NDH Việt Nam	Ông Nguyễn Duy Hưng, chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH NDH Việt Nam cũng là chủ tịch HĐQT của PAN	1.744.740	8,70%	4.059.350	20,25%	Gia tăng tỷ lệ sở hữu
2	Công ty CP CK Sài Gòn (SSI)	Ông Nguyễn Văn Khải, thành viên HĐQT và Phó TGĐ của PAN là Trưởng BKS của SSI	1.493.280	7,45%	3.193.280	15,93%	Gia tăng tỷ lệ sở hữu
3	Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Cổ đông lớn	969.200	4,83%	1.469.200	7,33%	Gia tăng tỷ lệ sở hữu
4	Công ty CP Đầu tư Đường Mặt trời	Cổ đông lớn	1.102.300	5,49%	1.216.560	6,07%	Gia tăng tỷ lệ sở hữu
5	Mutual Fund Elite (Non-Ucits)	Cổ đông lớn	0	0%	2.000.000	9,98%	Tham gia đầu tư với tư cách cổ đông chiến lược
6	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Tổng giám đốc SSIAM là thành viên HĐQT PAN	596.720	2,98%	640.720	3,13%	Gia tăng tỷ lệ sở hữu
7	Công ty CP CSC Việt Nam	Tổng giám đốc CSC là thành viên HĐQT PAN	805.000	4,24	1.064.220	5,31%	Gia tăng tỷ lệ sở hữu

Các giao dịch khác (các giao dịch của Cổ đông nội bộ/ Cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	Cổ đông lớn	Thuê dịch vụ tư vấn	3.219.700.000
		Cho thuê văn phòng	427.153.975
		Hợp tác kinh doanh	108.000.000.000
		Thu lãi hợp tác kinh doanh	1.159.799.867
		Lãi trả chậm phát sinh từ tiền mua cổ phiếu	17.283.333
		Nhận tiền vốn góp	40.800.000.000
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam (CSC)	Cổ đông lớn	Đặt cọc tiền thuê văn phòng	108.591.400
		Phí thuê văn phòng	515.637.823
		Nhận tiền vốn góp	19.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt trời (Sunway)	Cổ đông lớn	Mua bán trái phiếu	35.000.000.000
		Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh	140.401.493.013
		Trả lãi hợp tác kinh doanh	2.375.015.866
		Nhận tiền vốn góp	24.000.000.000
Công ty TNHH MTV DV Nguyễn Sài Gòn	Cổ đông lớn	Nhận tiền vốn góp	12.000.000.000
Mutual Fund Populus	Cổ đông lớn	Nhận tiền vốn góp	48.000.000.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Phí thuê nhà	541.612.000
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Nhận tiền vốn góp	18.000.000.000

Phụ lục 2: Cơ cấu vốn Cổ đông và tỷ lệ sở hữu

Cơ cấu sở hữu và tỉ lệ sở hữu của cổ đông lớn sau khi tăng vốn điều lệ 200.500.000.000 VND (căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 14/01/2014 để thanh toán cổ tức của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình)

CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC		CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
166.300.600.000	82,94%	34.199.400.000	17,06%	200.500.000.000	100%

Sở hữu cổ phần của Cổ đông lớn và Cổ đông nội bộ

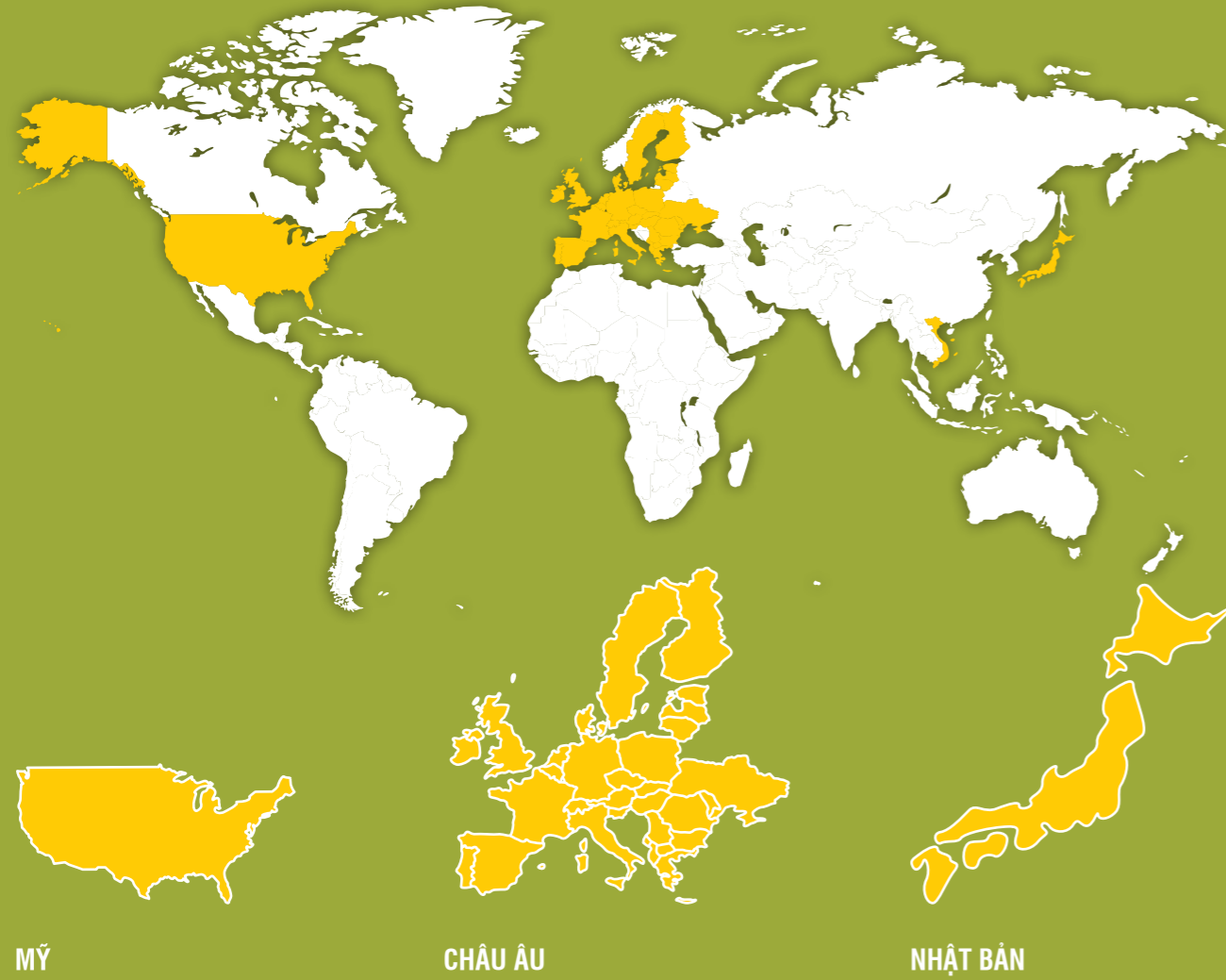
STT	TÊN CỔ ĐÔNG	CHỨC DANH/QUAN HỆ VỚI CÔNG TY	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN (TẠI NGÀY 14/01/2014)	TỶ LỆ SỞ HỮU (TÍNH TRÊN VỐN ĐIỀU LỆ 200.500.000.000 ĐỒNG)
1	Mutual Fund Elite	Cổ đông lớn	2.000.000	9,98%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông chiến lược	3.193.280	15,93%
3	Công ty TNHH NDH Việt Nam	Cổ đông chiến lược	4.059.350	20,25%
4	Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Cổ đông lớn	1.469.200	7,33%
5	Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông lớn	1.064.220	5,31%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt trời	Cổ đông lớn	1.216.560	6,07%
7	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-
8	Ông Michael Louis Rosen	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	750.000	3,74%
9	Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, người đại diện công bố thông tin	240.000	1,2%
10	Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	825.000	4,11%
11	Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	-	-
12	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	-	-
13	Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT	-	-
14	Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
15	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
16	Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
17	Bà Phạm Thị Thu Hà	Giám đốc tài chính	-	-
18	Ông Trần Anh Phương	Kê toán trưởng	-	-

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp:	CÔNG TY CỔ PHẦN XUYẾN THÁI BÌNH
Tên tiếng Anh:	PAN PACIFIC CORPORATION
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301472704, đăng ký lần đầu ngày 31/08/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03/10/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp
Đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2013):	200.500.000.000 đồng
Trụ sở chính:	Tòa nhà Pan Pacific, số 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố HCM
Tổng số nhân viên (tại 31/12/2013):	4.886 người

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2013):	20.050.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2013):	0 cổ phiếu
Sàn niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE)
Mã chứng khoán niêm yết:	PAN
Đơn vị lưu ký:	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Chi nhánh TP.HCM
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2013):	37.600 đồng/cổ phiếu
Cổ tức năm 2013:	
Tổng cổ tức năm 2013:	10% mệnh giá
Trong đó:	
Cổ tức bằng tiền mặt:	10%
Cổ tức bằng cổ phiếu:	Không
Ngày thực hiện:	14/02/2014
Ngày đăng ký cuối cùng:	24/01/2014
Tăng vốn điều lệ trong năm 2013:	Vốn điều lệ tới ngày 1/4/2013 là 115.500.000.000 đồng Vốn điều lệ kể từ ngày 2/4/2013 là 200.500.000.000 đồng (đã phát hành thành công 8,5 triệu Cổ phiếu riêng lẻ)
Hình thức tăng vốn:	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
Ngày kết thúc đợt phát hành:	2/4/2013
Số lượng cổ phiếu đã phát hành:	8.500.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông, hạn chế chuyển nhượng
Thời hạn hạn chế chuyển nhượng:	1 năm (từ ngày 2/4/2013 tới ngày 1/4/2014)
Niêm yết bổ sung:	
Ngày niêm yết bổ sung:	15/05/2013
Ngày giao dịch bổ sung: 21/05/2013:	21/05/2013



MỸ

CHÂU ÂU

NHẬT BẢN

MÀU VÀNG LÀ CHỈ THỊ: Những khu vực có sản phẩm/hoạt động của PAN và các công ty con

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (PAN Pacific Corporation)

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, P.17, Q, Bình Thạnh, TPHCM.

Số điện thoại: (84.8) 38406868

Số fax: (84.8) 35146721

Website: www.panpacific.vn



LOGO MÀU VÀNG: Những khu vực có sản phẩm/hoạt động của PAN và các công ty con

DANH SÁCH, ĐỊA CHỈ CÁC CHI NHÁNH

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tòa nhà Pan Pacific, số 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố HCM

Số điện thoại: (84.8) 38406868

Số fax: (84.8) 35146721

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: 243A Đê La Thành, Hà Nội

Số điện thoại: (84.4) 3760 6190

Số fax: (84.4) 6266 2608

Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng

Địa chỉ: 480 - 482 Trưng Nữ Vương, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: (84.511) 633 199

Số fax: (84.511) 633 197

Văn phòng Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành
Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: (+84.4) 3934 5199

Fax: (+84.4) 39345200

Email: info@panpacific.vn

www.panpacific.vn

Designed by NDH Investment & Consultancy